THƯ VIỆN HÀ NỘI ĐC
HVV2875

H · THIÊN

CHÍNH-TRỊ HỒ QUÝ-LY

ĐẠI - LA

CHÍNH-TRỊ
HỒ QUÝ-LY

CHÍNH-TRỊ HỒ QUÝ-LY của Chu-Thiên do nhà Đại-La Hà-nội xuất-bản in lần thứ nhất tại nhà in Tân-Dân Thụy-Khuê. Ngoài những bản thường có in thêm tám bản trên giấy Phụng-Cầu, một bản đề L. C., một bản đề L. T., một bản đề P. Đ. T. ba bản này không bán ; năm bản trước số từ P. C. một đến P. C. năm, và sáu bản trên giấy Kỳ-Hoàng trước số từ K. H. một đến K. H. sáu. Mười một bản này đều có chữ ký của tác giả.

CHU THIÊN

CHÍNH-TRỊ HỒ QUÝ-LY

NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI-LA
46, Tự Đạo-Hạnh — Hà-nội

TỰA

Giữa lúc cuộc thế-giới đại chiến lần thứ hai đang tung ra ngoài mặt trận những chiến cụ tối tân, làm đảo lộn tất cả nhân loại, từ vật chất đến tinh thần: lòng người ai nấy đều hoang mang, bận khoăn nghĩ đến cái tương-lai còn mờ tối, tự nhiên người ta có cái khuynh hướng hồi-cố lại dĩ-vãng, tìm kiếm tài liệu để suy nghĩ, hướng dẫn trên trước đường sau này. Cùng một tâm trạng và khuynh hướng ấy do tình thế hiện thời đã ảnh hưởng vào tâm hồn, người Việt-Nam chúng ta cũng đang nhiệt liệt đi ôn lại những việc đã qua, và hơn nữa, đứng trước cảnh đời lộn sộn, chúng ta lại đem lòng kính mộ những nhà chính trị độc tài cương-quyết đã lập lại trật tự xã hội trong một thuở, như Thương-Ưởng nước Tần đời Chiến-quốc, Vương An-Thạch đời Tống bên Tàu và Hồ Quý-Ly bên ta, tức là những người mà, theo quan niệm cũ người xưa vẫn không hết lời công kích! Nhất là đối với Hồ Quý-Ly, nhiều người trong chúng ta lại

vượt quá phạm vi kính mộ mà suy-tôn làm tuyệt-đỉnh là nhà cách-mệnh chính-trị và văn-hóa độc nhất trên lịch-sử nước nhà. Họ than tiếc cái công tổ chức lớn lao kia phải bỏ dở dang, rồi chìm trong thất bại, vì trình độ dân chúng quá thấp kém, chưa đủ giác ngộ để hưởng thụ một công cuộc cải cách đẹp đẽ như vậy.

Nhưng Hồ Quý-Ly có đúng là một nhà cách mệnh không ?

Công cuộc cải tạo của Hồ thành công rồi thất bại do những nguyên nhân nào ? và có ảnh hưởng gì đến đời sống toàn dân.

Đấy là những điều cốt yếu chúng tôi sẽ cố sức minh bạch giải bày trên những trang sau đây, sau khi đã phân-tích cả hoàn-cảnh xã-hội lẫn vị trí lịch-sử cái thời kỳ quan trọng ấy, quan-trọng vì cảnh-sắc riêng của nó cũng có, nhưng quan trọng nhất là nó đã mở đầu cho cuộc đắc-thắng binh Ngô sau này do vua Lê Thái-Tổ cầm đầu.

Viết tại Phù-Khê (Nam-định) chín ngày sau
Đông-chí Giáp-thân (1-1-1945)
CHƯƠNG THÂU

CHÍNH - TRỊ HỒ QUÝ-LỴ

1

Trạng-thái chính-trị và xã-hội

Lịch-sử tiến-hóa dân-tộc Việt-Nam đến đời Trần (1225-1400) đã mở qua những trang rực-rỡ. Ngay từ đời Lý (1010-1225), nền chính-trị cũng đã tổ-chức rất chu-đáo, từ dưới nền tảng dân-chúng là xã thôn lần lên đến Triều-đình là thượng tầng kiến trúc quốc gia, đều khuôn theo một trật tự chặt-chẽ, bầy ra một vẻ duy nhất bao quát rõ ràng. Tuy một đôi khi cũng có những cuộc nội-loạn hay âm-mưu nhỏ nhỏ nổi lên, nhưng rồi cũng bị tắt ngay, không hại gì cho nền duy nhất kia cả. Nhờ thế, nên suốt đời Lý ta không thấy nước nào có thể vượt qua biên-giới, vào đánh nhau hẳn ở nội-địa nước ta. Trái lại, trên lịch-sử còn ghi những võ-công hiển-hách của vua Thái-Tông đánh Chiêm-thành giết được chúa Sạ-Đẩu (1044), vua Thánh-Tông đánh Chiêm bắt chúa Chế-Củ, lấy ba châu Địa Lái, Ma-linh, Bố-chính (1069), Lý Thường-Kiệt

tiến quân đánh thẳng vào nội-địa nước Tàu (1075). Nền chính-trị duy-nhất đã gây nên cảnh-sắc phú cường như thế tất nhiên là một sự thuận-tiện lớn cho Văn-hóa tiến đến chỗ tế nhị. Văn-học nghệ-thuật đã bắt đầu nảy nở. Đồng thời, Phật-giáo du nhập nước ta từ thời Bắc thuộc lần thứ hai (43-544) đến bấy giờ đã có bề thế rộng khắp và địa vị độc tôn nên ảnh hưởng sâu xa vào tâm hồn dân chúng, khiến cho phong-tục thêm thuần hậu. Các vị chân-tu đại-đức như Vạn-Hạnh thuyền-sư, Huệ-Sinh thuyền sư, Thảo-Đường thuyền-sư, Minh-Không thuyền-sư đều là những bậc quốc-sư, nghiễm nhiên làm chủ-tể trong địa hạt tinh thần, trên từ vua quan, dưới đến dân thứ đều tuân theo lời ban bảo để sửa mình giữ nết. Sự tri-thủ về tinh-thần như thế rất có ảnh-hưởng trở lại cuộc đời thực-tế, làm cho nền Chính-trị thêm duy-nhất vững vàng, bao phủ lấy một cuộc sống thư-thái và yên vui. Những công trình kiến-trúc và kỹ-thuật cùng với những văn thơ mà thời ấy còn để lại đến ngày nay đủ chứng tỏ tổ tiên ta lúc ấy đã vượt khỏi vòng bó buộc của đà sống tầm thường, để mở rộng con mắt lên địa hạt tư tưởng và nghệ-thuật. Gia dĩ, nho học cũng đã phổ-cập khắp dân gian, cái tinh thần *Nhân, Nghĩa, Liêm, Đễ, Trung, Tín* lại cung thêm một nguồn phong-phú vào việc chau-dồi phong-hóa, gìn giữ lòng người. Nền tảng văn-hóa đã rộng khắp và nhất-

chí như vậy, tất nhiên đời sống dân chúng phải bầy ra lắm vẻ khả quan.

Sang đến đời Trần, quy-mô tổ-chức ấy lại được khuếch trương rộng rãi. Mọi phương-diện đều được mở mang. Về mặt chính trị, tháng hai năm Kiến-trung thứ hai (1226) vua Thái-Tông, do sáng kiến của Thái-sư Trần Thủ-Độ, định lại luật lệnh, tháng hai năm thứ tư (1228) thi hạch các quan lại ; tháng hai năm Thiên-ương chính-bình thứ mười một (1244) chia cả nước ra làm 12 lộ, đặt dưới quyền cai trị hai quan An-phủ Chánh Phó sứ, do các văn quan cao chức đảm nhận ; tháng giêng năm sau (1245) sai các lộ quan làm lại sổ hộ, biên dân số. Về văn-học, tháng hai năm Thiên-ứng Chính-bình nguyên niên (1237) vua Thái-Tông mở khoa thi Thái-học sinh (tức khoa Tiến sĩ) định ra thứ bực ba Giáp ; tháng tám năm Thiên-Ứng chính-bình thứ năm (1237) kén các nho sinh trúng khoa vào chầu giảng sách ; mùa thu tháng tám năm thứ mười sáu (1247) mở khoa thi Tam-giáo để hợp nhất cả ba tư tưởng Phật, Nho, Lão ; tháng sáu năm Nguyên-phong thứ ba (1253) lập ra viện Quốc-học, tô tượng ba Thánh Chu-Công, Khổng-tử Mạnh-tử và vẽ hình bảy mươi hai bậc đại hiền, bầy thờ ở trong viện ; tháng chín năm ấy, chiêu các bậc học giả trong toàn quốc vào viện Quốc học giảng ngũ kinh tứ thư. Tháng tư năm Thiệu

Long thứ mười (1267) vua Thánh-Tông (1258-1278) kén các nho sinh có văn tài sung làm chữ sư-Mọi, Quán, Các, Tinh, Viện ; tháng giêng năm thứ mười lăm (1272) quyển Sử-ký giá trị đầu tiên nước ta là quyển Đại-Việt Sử-Ký của Lê Văn Hưu cáo thành, vua Thánh-Tông ban chiếu khen thưởng ; tháng mười một cũng mùa đông năm ấy, chiếu tìm các bậc hiền lương giỏi kinh sử vào chầu giảng sách, hoặc sung làm Tư nghiệp dạy ở trường Quốc Tử giám. Các vua triều Trần lại rất chăm việc võ-bị. Tháng ba năm Thiên ứng chính bình thứ tám (1239) vua Thái-Tông sai luyện binh kém đinh tráng chia làm ba bậc Thượng Trung Hạ ; tháng hai năm thứ mười lăm (1248) định hiệu quân, chia ra ba quân *Thiên thuộc, Thánh Dực, Thần Sách* ; Mỗi quân có bốn vệ quân, mỗi vệ quân ước chừng hai nghìn bốn trăm người. Tháng ba năm Thiệu-long thứ năm (1262) vua Thánh-Tông chiếu mọi quân tập diễn trận trên sông Bạch-Hạc ; tháng tám năm thứ mười (1267) định quân ngũ, giao cho các vị tôn thất thông võ nghệ, tinh binh-pháp cai quản. Về các công tác xã hội, việc quan trọng nhất là đắp đê phòng nước lụt, suốt từ trên thượng lưu các sông cho tới ven bể, gọi là đê *Đình-Nhì*, vào khoảng năm mười bảy Thiên ứng chính bình (1248) ; năm Nguyên phong thứ năm (1255) lại đặt ra chức *Hà-đê sứ*, mỗi Lộ có hai viên Hà đê chánh phó

coi riêng về đê đường. Ngoài ra còn có những việc khai cảng mở sông để tiện việc đi lại, và lợi việc cày cấy.

Các công cuộc mở mang ấy đều làm lợi cho dân chúng, giúp cho đời sống thêm dễ dàng tươi đẹp, càng ngày càng thắt chặt dây thân ái đoàn kết giữa toàn thể xã-hội. Đó là một kết quả dĩ nhiên do những chính sách thân dân như trên đã nói, tích lũy đã lâu năm. Nhờ đấy, dân chúng tự nuôi lấy được một tinh-thần quốc gia rất mạnh. Nó phát-lộ trong văn-hóa bằng một phong-trào Thơ nôm do Hàn-Thuyên, Nguyễn Sĩ-Cố khởi xướng, mạnh mẽ đem tiếng nói hàng ngày vào trong văn-chương, mở lối cho phong trào toàn-dân kháng ngoại sau này. Cho nên trong hai lần quân Mông-cổ sang đánh (1284-1288) tất cả các phần-tử quốc-dân đều tụ-tập dưới cờ chỉ-huy của Hưng Đạo-Vương Trần Quốc-Tuấn, băng hải liều chết đánh đuổi quân giặc ra khỏi bờ cõi nước nhà. Trên dưới đều cùng một lòng, theo một lối, không nghĩ đến thù riêng, không ham lợi lớn do người ngoài mua chuộc. Chỉ có những vương-hầu trọng Hoàng-phái, đầy lòng tự-kỷ và bảo-phụ, sống quen trong cảnh huy-hoàng, không được thỏa mãn vì lợi riêng, tự đem thân đi theo giặc trước như Lê Trần Ích-Tắc, Trần-Kiện, tất cả độ mười người. Rốt cuộc, Trần-Kiện — là con Tĩnh quốc vương Quốc-Khang anh vua Thánh-Tông

theo tướng Mông-Cổ là Toa-Đô từ Nghệ-An về Tàu, đến Lạng-giang bị thổ-hào là Nguyễn Thế-Lộc, Nguyễn Linh đón đánh. Gia nô Hưng Đạo. Vương là Nguyễn Địa.Lô hợp lực vào bắn giết chết Trần-Kiện ; gia thuộc là Lê-Tắc, tác giả An-nam Chí lược, lấy trộm được sắc Kiện đem lên ngựa chạy về chôn ở Kỳ-ôn tức nay là châu Ôn tỉnh Lạng-sơn. Còn Trần Ích-Tắc, em ruột vua Thánh-Tông được đưa về Tàu và phong chức Bình Chương-Sự, sau cũng bị Sứ-giả của ta làm nhục ở giữa tòa Bình-Chương bên Tàu. Việc sảy ra trong lúc các quan Tàu tiếp kiến Sứ giả ta là Nguyễn Đại-Phạp. Ích-Tắc có mặt ở đấy, Đại-Phạp không thi lễ với. Ích-Tắc giận hỏi :

— Mày có phải là đứa trẻ đọc sách nhà Chiêu đạo-vương đấy à ? (Chiêu đạo-vương Quang-Xưởng là anh cùng mẹ đẻ với Ích-Tắc).

Đại-Phạp đáp :

— Việc đời biến đổi, Đại-Phạp này trước là đứa đọc sách nhà Chiêu đạo-vương, nhưng nay là Sứ-giả. Cũng như ngài Bình-Chương xưa kia là con vua, nay lại là người đi theo giặc !

Ích-Tắc xấu-hổ, từ đấy không dám ra ngồi đón tiếp sứ ta nữa.

Thêm vào sự trừng trị ấy, vua Nhân-tông còn bắt đổi Trần-Kiện và những người khác ra họ Mai. Trần Ích Tắc là chú ruột vua không bị

đổi họ, nhưng phải gọi là Ả-Trần, tỏ ý nhút nhát như con gái vậy.

Ngoài những kẻ cành vàng lá ngọc mà hám lợi quên nghĩa cùng với dân hai làng Bàng-hà Ea-điểm vì mối tư thù của nhà Lý bỏ đi theo giặc trước, đều đã bị trừng phạt một cách đích đáng, còn toàn thể dân chúng kết hợp thành một khối duy-nhất rắn chắc và vĩ-đại. Và lời xin quyết chiến của toàn-thể kỳ lão trong nước được triệu đến hội ở Điện Diên-Hồng hồi kế, hồi tháng mười một, năm Thiệu-bảo thứ sáu (1281), chỉ là sự phát-hiện cái tâm-trạng xã-hội đã được đào luyện nên, do bao công-trình tổ-chức kế tiếp nhau, tích lũy từ đời Lý đến giờ. Có lẽ cũng nhận thấy những kết quả thực hiện ấy là công-phu của người trước nhiều hơn, nên sau khi chiến thắng, các vua Trần lại càng chăm đến việc cai trị dân, nhất là việc cứu tế xã hội được tổ-chức rất chu đáo. Ngoài việc phát thuốc Hồng Ngọc Sương hoàn trị bách bệnh, và tiền gạo cho dân nghèo, năm Khai-hựu thứ tám (1336) tháng chín vua Hiến-Tông, theo đề-nghị của Nguyễn Trung-Ngạn, chiếu mọi lộ lập *Tào thương* tức kho chứa thóc thu của dân để phát trần cho dân đói.

Về phương diện Tôn-giáo cốt để giàng buộc con người trong vòng từ thiện, các vua Trần đều là những bậc tinh thông Phật-học, bất cứ

HVV 2875

biểu dương Phật pháp, cho in kinh điển nhà Phật truyền bá khắp dân gian. Nhất là vua Nhân-Tông lại thân xuất gia đi tu ở núi Yên-tử, lấy tự hiệu là « *Hương-Vân Đại-đầu-đà* » và là tổ thứ nhất của phái Trúc-lâm. Hai tổ sau của phái Trúc-lâm là Pháp-Loa tôn-sư và Huyền-Quang tôn-sư đều được Triều-đình giao đặc quyền cho đình chức tăng ni trong dân gian và cai quản cả Thuyền-môn toàn quốc. Ba vị tổ ấy là những bậc Giáo-hoàng thời ấy đã có công thống nhất Phật giáo cả từ hình thức cho đến tinh-thần.

Đấy là công-trình tổ-chức của các nhà cầm quyền từ Lý qua Trần xét qua khắp mọi phương-diện. Bằng cứ vào đấy, ta có thể hình dung sơ sài lại trạng thái sinh-hoạt thời bấy giờ. Việc cai-trị nhất và hợp-lý, không nhiễu dân, khiến dân được yên-nghiệp, kiếm sống dễ dàng, có thừa thì giờ để di-dưỡng tinh-tình. Người ta vui chơi với mọi thứ tiêu-khiển. Trong bài hịch khuyên Tướng sĩ của Hưng Đạo-Vương có những câu :

« ...*Hoặc lấy việc trọi gà làm vui, hoặc lấy việc đánh bạc làm sướng, hoặc vui thú vì vườn ruộng, hoặc quyến luyến về vợ con ; hoặc nghĩ lợi riêng mà quên việc nước, hoặc ham săn bắn mà bỏ việc binh, hoặc thích rượu ngon, hoặc mê tiếng hát...*

Cái tinh cách ăn chơi ấy là phản ảnh một cuộc sống thực tế đầy đủ đi đôi với một cuộc sống tinh-thần được mở mang. Trước chiến tranh đã như vậy, sau chiến tranh, sự đắc thắng mang lại cho người mình thêm nhiều tri thức, cũng như nhiều bão-phụ hơn. Cảnh sống đường hoàng hơn, người ta ăn chơi cũng lọc lõi hơn. Người ta tìm ra những trò chơi mới, hoặc nhập cảng những trò chơi nước ngoài, như khi đánh nhau với quân Nguyên, một tên phường tuồng là Lý Nguyên-Cát bị bắt, vì khéo ca hát đã trở thành một vị «Trùm» dạy con em các nhà hào thế tập hát múa. Nguyên-Cát soạn ra nhiều tích hát cổ, như tích *« bà Vương-mẫu dâng quả đào»*, lúc diễn phải mười hai người, mặc toàn áo gấm, bào vóc, đánh trống thổi tiêu, diễn đủ mọi điệu bộ thương, vui rất cảm động người xem. Phong trào hát trèo lan rất chóng, không bao lâu, khắp các vương hầu, công chúa đều biết múa hát, đóng trò. Đến năm Đại-trị thứ năm (1362), vua Dụ-Tông (1341-1369) chiếu bắt vương hầu công chúa thân đem dâng mọi tích hát, vua xem diễn tích nào hay hơn cả thì thưởng.

Một thứ chơi nữa được người đương thời ham thích nhất là chơi *đá cầu*. Trò chơi này phổ cập khắp cả kẻ chợ đến thôn quê, song các vương tôn công tử, các quan chức, các dân kẻ chợ chơi vẫn nhanh nhẹn và dẻo dai hơn dân

nhà quê đá thì vụng về không hay trồng. Lê Cư-Nhân, giữ chức Tông-chính Thái-khanh, thường lấy huy-hiệu 村 柵 «*chăn cầu nhà quê*» chỉ Trương Hán-Siêu là một tay văn thần có tiếng bấy giờ, vì Hán-Siêu liệu lý nhiều việc không đáng đáng.

Trình độ ăn chơi đã tiến, dĩ nhiên trình độ trí thức — hay tư tưởng — cũng tiến theo. Trong khu vực văn-học, ta nhận thấy bắt đầu từ đây đã có loại văn tiểu-thuyết chép những truyện thần tiên quái đản, thơ văn ngụ ngôn chụp lấy cảnh xã-hội như bài «*Tré Cóc*» còn truyền tụng; lại có những bài văn bia công kích Phật-giáo của Trương Hán-Siêu khắc ở chùa Khai-Nghiêm, của Lê Bá-Quát khắc ở chùa Thiệu-Phúc đều phủ nhận cái giáo lý đang truyền bá bấy giờ để biểu dương đạo nho của Khổng Mạnh. Dấu hiệu tiến hóa bắt nguồn từ nền kinh-tế sung túc, đã dâng lên. Người ta không thể mãi mãi chịu lệ thuộc theo hình thức cổ truyền. Người ta tưởng tượng ra những truyện cao xa để thỏa những điều mong ước thầm kín; đặt ra những bài ngụ ngôn để châm biếm cảnh đời. Sau nữa, người ta dám cả gan bài bác đến những giáo lý thiêng liêng mà người đời đang tôn phục, đủ chứng tỏ một sự đòi hỏi cải cách đang thúc bách. Cái tình trạng ấy đã bày rõ ở những câu này, trong bài ngụ ngôn Tré Cóc:

« Bước ra khỏi chốn công đường,
Thông Chiên giật lễ, kẻ Tôm cướp tiền,
Ôm đầu vỗ vế ngả nghiêng,
Kẻ đòi hồ rượu, người xin gói chè ! »

và trong bài bia chùa Thiệu-Phúc :

« ... *Thường du lãm sơn xuyên, tức tích bán thiên hạ. Cẩu sở vị học cung văn miếu vị thường nhất kiến, thử ngô sở dĩ thâm hữu quý ư Phật thị chi đồ viễn hĩ* ». 嘗遊覽山川，足跡半天下，求所謂學宮文廟未嘗一覩，此吾所以深有愧於佛氏之徒遠矣。(*Nghĩa là :* Ta thường chơi xem núi sông, vết chân trải khắp nửa thiên hạ mà chưa từng thấy một nơi nào gọi là trường học, văn miếu. Vì thế ta càng lấy làm xấu hổ với nhà Phật lắm vậy).

Nhờ những điều kiện như trên kia đã trình bầy, trạng thái sinh hoạt mỗi ngày một tiến và tiến cùng độ đến một chỗ nghẽn, quay trở lại thành bằng phẳng và chứa đựng mọi mầm thối nát do sự sung túc nội tại gây ra, đã phản ảnh vào văn chương như vậy, càng tỏ một sự cải cách lớn lao lúc ấy cần thiết biết chừng nào mới có thể kéo dân gian trở lại sống cuộc đời vui tươi như trước. Giá lúc ấy, trên triều đình có những bậc vua hiền, tôi giỏi, chăm lo đến việc trị nước yên dân, xét đến mặt thực xã-hội, mà cải cách đến nền chính trị và văn hóa cho hợp lẽ phải, thích hợp với hoàn cảnh, chứ

biết chừng lịch sử Việt-Nam ta đã viết thành những trang khác hẳn. Nhưng mà ở đây, sau khi đại thắng quân Tầu, qua đời vua Nhân-Tông, hai vua Anh-Tông và Minh-tông (từ 1329 đến 1357) đều khéo thủ thành, không có việc sửa sang gì xuất sắc, từ vua đến quan đều sống yên hưởng cuộc đời thái bình của tiền nhân đành lại. Sang đến vua Dụ-Tông từ khoảng Đại-trị (1358-1369) giở đi, sự sa sỉ dần dật lên đến quá độ, vua thì chỉ nghĩ đến ăn chơi chèo hát, họp những kẻ giầu có ở Đình-bảng (Bắc ninh) và ở Nga-Đình (Quốc-oai Sơn-tây) lại kinh đánh bạc có tiếng đến ba trăm đồng vàng lại cho quân hầu riêng ra chiếm lấy đất bãi sông Tô-lịch giồng rất nhiều rau, đặt tên là *vườn Vườn Rau* 蒜園 và sai cung nhân làm quạt bán cho dân. Vua đã công nhiên gá bạc, buôn rau bán quạt lấy lợi, các vương hầu quan chức trên dưới đều đua nhau theo gương đấy đổ số vào lợi, chiếm cứ hết cả các nguồn lợi của dân gian. Những bậc hiền tài cương quyết không còn bóng ở Triều nữa, mà những kẻ mềm mỏng, khéo bợ đỡ như Đỗ Tử-Bình 杜子平 thì nhiều lắm. Thành thế sinh hoạt càng ngày lại càng thêm eo hẹp. Dân gian đói khổ tụ nhau làm giặc cũng nhiều, lợi hại nhất có tên Ngô-Bệ ba lần tụ quân nổi loạn, lần sau cùng phải dùng đến ba năm Triều đình mới bắt được. Gia dĩ, nhân vì hoang chơi

dâm dật quá, vua Dụ-Tông không có con, và chờ phong trào ưa chèo hát đã quyến giữ được các vương hầu, nên một đứa con tên phường tuồng là Nhật-Lễ mới được vào chiếm giữ ngôi tôn trong non hai năm giời (1369-1370) gây nên tai nạn lớn cho nhà Trần và cả đại chúng. Sự thể sảy ra đã chứng tỏ cái tình cảnh vô tổ chức tức lý. Nguyên trước có tên phường trèo Dương-Khương diễn trò «*quả đào tiên*» cho vợ ra đóng vai Tây-vương-mẫu. Vợ Dương-Khương đương có mang lại thoa phấn son cực kỳ đẹp đẽ, Cung-Túc Vương-Dục, con vua Minh-Tông, mê sắc đẹp liền cướp lấy làm vợ, đẻ ra Nhật-Lễ, Cung-Túc-Vương nuôi nhận làm con mình. Khi Dụ-Tông mất, không có con, để di-chiếu lại cho Nhật-Lễ nối ngôi — (giống chừng vua cũng yêu cậu bé đẹp như đào hát!) Triều-đình muốn lập Cung-Định Vương-Phủ là anh vua Dụ-Tông, bà Huệ-Từ nhất định lập Nhật-Lễ. Tên này đã làm vua, được thỏa sức dâm dật, suốt ngày yến ẩm lại có ý muốn đổi lại họ cũ là họ Dương, giết Huệ-Từ Thái-hậu và Cung-Tĩnh Vương-Trác. Cung-Định Vương-Phủ và Cung-Tuyên Vương-Kính phải chạy ra ngoài đem quân về giết Nhật-Lễ và lấy lại ngôi vua, ấy là Nghệ-Tông (1370-1372) và Duệ-Tông (1373-1377). Nhật-Lễ đã trừ đi rồi, nhưng việc chính chưa kịp sửa sang, mẹ Nhật-Lễ trốn sang Chiêm-thành dụ

được quân Chiêm vào ăn cướp do cửa bể Đại-An kéo qua sông Hoàng-giang thẳng tiến vào phạm kinh-thành, vua phải bỏ chạy về Đông-ngàn (tức nay là Đình-bảng Từ-sơn). Luôn mấy năm giời ăn chơi, việc binh không ai luyện tập, canh phòng lại biếng nhác quen, quân giặc bể hải tiến vào như qua chỗ không người, cướp bóc đàn bà con gái vàng bạc châu báu không biết bao nhiêu mà kể, lại đốt phá cung điện lâu đài, làm tan hoang cả kinh thành.

Đứng trước tình trạng khốn khổ điêu đứng ấy tất cả triều-đình và quốc dân đều mong mỏi một sự chấn chỉnh lớn lao về mọi phương diện để cho dân nước lại mực sống bình thường. Mọi điều kiện chủ quan (tình hình nội tại) và điều kiện khách quan (giặc ở ngoài vào phá nhiễu) đều đã sẵn sàng sửa gọn thành một hoàn cảnh rất thuận tiện cho việc thi hành chính sách cương quyết của một bộ óc sáng suốt nào muốn đem tài ba ra cải tạo xã-hội. Thời thế phải tạo ra anh hùng! Có hoàn cảnh xã-hội ấy tất nhiên phải có người tự ngay trong hoàn cảnh ấy, ứng với sự nhu cầu cấp bách của xã-hội, và thời đại, mà bước ra làm nên những việc cải cách lớn lao. Con người « thời đại » ấy tức là *Hồ Quý-Ly* vậy.

Lai lịch họ Hồ

Ngày nay xét rõ được lai lịch họ Hồ là một điều rất khó, phần vì không có tài liệu xác thực để chứng nghiệm, phần vì chính những điều còn ghi chép trên lịch-sử, có khi cũng bị xuyên tạc đi, do quan niệm hẹp hòi về triều đại của những nhà làm sử trước kia. Gia dĩ, tổ tiên Hồ Quý-Ly cũng không có ai làm nên công nghiệp gì đáng kể, là ích nước lợi dân, vẻ vang cho xứ sở, được người nước nhắc nhở đến luôn, cố nhiên phải chịu theo công lệ của thời gian, cuốn cả vào vòng quên lãng xóa nhòa. Vì vậy về lai lịch họ Hồ, ngày nay ta cũng chỉ còn biết sơ lược như trong *Khâm-định Việt-sử Thông-giám Cương-mục* quyển 10 đã chép:

Quý-Ly, tiên tổ là Hồ Hưng-Dật, người tỉnh Triết-giang bên Tàu, về đời Ngũ-Quý (907-959), sang làm quan bên ta rồi lập ấp ở làng Bảo-đột, phủ Diễn-châu (nay thuộc huyện Quỳnh-lưu tỉnh Nghệ-an). Về sau, con cháu là Hồ-Liêm dời ra ở làng Đại-lại, Thanh-hóa, làm

con nuôi Lê-Huấn, nhân đổi họ là Lê Quý-Ly tức là cháu bốn đời Hồ-Liêm vậy.

Với mấy giòng ngắn ngủi này, ta không thể truy-nguyên xét biết sự dy truyền về sinh-lý của dòng máu họ Hồ, có hay không, kết-tinh thành những tài ba lỗi lạc vào một tay chính-trị cương-quyết và quán-xuyến như Hồ Quý-Ly,— cũng như ta không thể tin hẳn chính tổ xa họ Hồ là người ở bên Tầu. Tuy nhiên, dù Quý-Ly là người đặc-biệt do hoàn cảnh xã-hội đào tạo lên chăng nữa, cũng vẫn phải chịu ít nhiều ảnh-hưởng di-truyền của dòng họ. Người họ ấy rất thông minh và thấu việc, hiểu rõ hoàn-cảnh và địa vị mình lắm. Đến ngay như một người con gái dòng họ ấy là Gia Từ hoàng-hậu (em họ Quý-Ly, vợ Duệ-Tông) còn có những ngôn ngữ, những hành-động tỏ ra biết rõ tình thế, biết người và biết mình lắm, thì tự con giai tất hẳn không kém bề khôn ngoan thông-thái. Sử chép rằng

«Duệ-Tông đánh Chiêm không trở về, bà gọt đầu làm ni. Thấy vua Nghệ-Tông lập con bà là Đế-Nghiễn lên nối ngôi, bà cố từ xin mãi không được, lui về sùi sụt khóc bảo những người thân rằng: «Con ta phúc bạc, khó gánh nổi việc lớn, lại đến mang vạ vào mình thôi! Tiên quân ta vắng cõi trần, ta chỉ muốn chết theo, không muốn nhìn đến việc đời làm gì, nữa là lại phải

nhìn thấy con mình sắp phải nguy hại! » *Quả nhiên bà mất đi rồi, Đế-Nghiễn bị bỏ và bị giết. Những người biết chuyện đều phục bà là tiên thức* ».

Người con gái trong họ còn nhìn rõ việc đời như thế, huống chi là con giai, nhất là người con giai ấy lại được trường đời — tức là hoàn cảnh xã-hội đặc biệt lúc bấy giờ — lọc lõi, mài rũa cho cái thông minh thêm sáng suốt, nhìn xa thấy rộng mãi lên, làm gì mà chả gây nên được những công nghiệp bao quát hết mọi phạm vi, ghi được cái tên bất hủ vào lịch sử nước Việt-Nam ta, bất hủ theo đúng nghĩa đen của nó.

Ngoài ra, Hồ Quý-Ly còn chịu ảnh hưởng di truyền của những dòng máu họ ngoại, nghĩa là những bà mẹ ở họ khác lấy về họ ấy, đã kế tiếp nhau đem về ít nhiều tinh túy của họ mình. Mà những bà mẹ ấy phần nhiều đều thuộc về những gia đình nhân từ và biết theo lễ phải. Trong sách *Nam Ông Mộng-Lục* của Lê-Trung, tức Hồ Nguyên-Trừng, con cả Hồ Quý-Ly, in trong tập *Hàm-phân lâu bí cấp*, xuất bản ở Tầu, có chép một vài gia đình ấy. Một bà tổ Hồ Quý-Ly là con Nguyễn Thánh-Huấn, một tay văn học có tiếng triều Trần Thánh-Tông và Nhân-Tông. Tháng chạp năm Bảo-Phù thứ hai (1274) vua Thánh-Tông cử Nguyễn Thánh-Huấn sang với Nguyễn Sĩ-Cố làm Nội-thị Học-sĩ vào

đọc sách với Thái-tử Khâm (tức Nhân-Tông) dưới quyền giáo thụ của Thiếu-Sư Lê Phụ-Trần. Sang đời Trần Nhân-Tông làm đến chức Trung-thư Thị-lang rồi về trí sĩ. Thánh-Huấn rất giỏi văn thơ, được người đương thời tôn là *Nam-phương thi tổ*. Lòng nhân từ của Nguyễn tràn lan đến cả loài chim, loài kiến. Còn hiện ra trong lời thơ ở bài «Vườn». (Điền viên 田園) còn truyền tụng hai câu rằng:

巢鳥寄林休伐木
Sào điểu ký lâm hưu phạt mộc,
蟻封在地末耕田
Nghĩ phong tại địa vị canh điền !

Nghĩa là : *Kiến còn trên đất khoan cày ruộng*
Chim tổ đầy rừng, chớ đẵn cây !

Tài văn học và lòng nhân hậu ấy rất ảnh hưởng đến con cháu, mà người xưa gọi là *để đức lại*, theo như câu :

« *Cha mẹ hiền lành để đức cho con* »

Bà đẻ ra cha Quý-Ly và hai cô lấy vua Minh-Tông là con gái Phạm Công-Bân làm quan Thái-y-phán, triều vua Anh-Tông. Phạm rất giỏi nghề thuốc, tính lại ngay thẳng, không xu nịnh quyền quý. Một hôm, Phạm ở nhà, có người thường dân đến mời đi thăm một bệnh nhân nguy kịch. Phạm hỏi :

— Bệnh gì ?

Người lấy thưa :

— Thượng thổ hạ tả, khí đã kiệt...

— Được, ta đi ngay !

Lúc ra đi, lại gặp Thái-giám vàng Thánh-chỉ ra gọi vào cung chữa thuốc cho cung-tần. Phạm hỏi :

— Bệnh gì ?

Thái-giám đáp :

— Băng huyết.

Phạm nói, giọng quả quyết :

— Được người về trước ta sẽ vào sau !

Thái-giám không nghe, vin lấy mạnh vua, bắt quản Thái-y đã ăn lộc vua phải vào chữa bệnh trong Hoàng-cung trước. Phạm điềm đạm nói :

— Người cứ về tâu lên Thánh-thượng, ta cam chịu tội, ta phải đi cứu một mạng người đã. Bệnh của cung-nhân thong thả hãy bốc thuốc cũng chẳng sao !

Nói rồi, Phạm cứ ra đi. Khi xong việc trở về, vào cung tạ tội, vua trách là trái mạnh, Phạm không biến sắc tâu rằng :

— Muôn tâu Thánh-thượng, ơn vua là tình riêng mà cứu người là nghĩa chung, và cứu bệnh như cứu hỏa, nên biết tội muôn chết vẫn cứ ra đi, nay xin đem đầu đến chịu hình phạt triều-đình.

Vua Anh-Tông khen là biết nghĩa làm thầy thuốc, liền tha tội cho và lại ban thưởng thêm.

Cái tính công-minh chính-trực ấy rất có thể di-truyền đến cháu chắt, dù là cháu chắt ngoại cũng vậy.

Nhờ có những đức tính tốt như thế thấm-nhuần trong mạch máu, — mà mỗi ngày một tiếp tế nhiều thêm —, những người trong họ Hồ phần nhiều rất thông minh, giầu sáng-kiến, có tinh thần phát-minh và tiến-hóa, có óc tổ-chức và phán-đoán rất rành mạch. Mọi đặc-tính ấy đều có thể kết-tinh cả vào Hồ Quý-Ly để rồi Quý-Ly lại di-truyền sang các con như Hồ Hán-Thương và Hồ Nguyên-Trừng. Nhất là người sau này rất giầu óc khoa-học đã được tiếng là người thứ nhất phát minh ra súng, được người Tầu rất tôn phục.

III

Nguyên nhân đắc thắng của Hồ Quý-Ly

Từ chân Chỉ-hậu Chánh-chưởng, một chức quan hầu trong cung điện, tháng năm, năm Tân-hợi Thiệu-Khánh thứ hai (1371) triều vua Nghệ-Tông, Hồ Quý-Ly được thăng lên chức *Đại Sứ Viện Khu-Mật* và được kết duyên với em gái vua là Huy-Ninh công-chúa.

Tháng chín năm ấy, vâng mệnh đi vỗ yên nhân dân Nghệ-an được gia phong *Trung Tuyên Quốc Thượng hầu*

Tháng giêng năm Ất-mão Long-Khánh thứ ba (1375), vua Duệ-Tông cử Quý-Ly kiêm chức *Tham mưu Quân Sự*, có quyền cất đặt vào quân ngũ tất cả tông-thất và các quan viên am hiểu võ nghệ, thông thạo lục thao tam lược.

Năm sau Bính thìn (1376) tháng mười hai, vua Duệ-tông tự làm tướng đi đánh Chiêm-thành, Quý-Ly vâng mệnh đi đốc lộ Nghệ-An, phủ Tân-

binh, các châu Thuận, châu Hóa, vận lương thực cho quân đến cửa bể Di-luân. (nay thuộc tỉnh Quảng-Bình).

Tháng giêng năm kỷ-mùi Xương-Phù thứ ba (1379) triều vua Đế-Nghiễm (tức Phế-đế), Quý-Ly thăng chức *Tư-Không*, kiêm *Khu-Mật đại sứ*.

Tháng hai năm sau Canh-thân (1380) Chiêm thành vào cướp Nghệ-an, Thanh-hóa, Thượng Hoàng Nghệ-Tông sai Quý-Ly đem thủy quân, Đỗ-Tử-Bình đem lục quân, cùng tiến-đánh. Tháng năm, Quý-Ly tiến đánh vỡ giặc ở Ngu-giang (phân lưu sông Mã, nay thuộc phủ Hoằng-hóa tỉnh Thanh-hóa) Đỗ Tử-Bình cáo ốm giả binh quyền, Quý-Ly được chuyên giữ cả, với danh hiệu là *Đô Thống Chế đạo Hải-Tây*.

Tháng ba năm thứ mười một Đinh-mão (1387) Quý Ly thăng chức *Đồng Bình Chương Sự* (tể tướng), Thượng hoàng Nghệ-Tông ban cho cờ kiếm, đề hai câu rằng :

文 武 全 才　Văn võ toàn tài,
君 臣 同 德　Quân thần đồng đức.

Tỏ khen Quý-Ly tài kiêm văn võ mà một lòng giúp giập nhà vua.

Tháng hai năm Giáp-tuất Quang-Thái thứ bảy (1394), triều vua Thuận-Tông, Thượng hoàng Nghệ-Tông sai vẽ tranh *Tứ-phụ* cho Quý-Ly. Tranh Tứ-phụ vẽ bốn người giúp là Chu-Công giúp vua Thành-Vương nhà Chu, Hoắc-Quang

giúp vua Chiêu-đế nhà Hán, Gia Cát-Lượng giúp vua Hậu-chúa nhà Thục-Hán và Tô Hiến-Thành giúp vua Cao-Tông nhà Lý.

Tháng hai, năm Ất-hợi Quang thái thứ tám (1395) Thuận-Tông gia phong Quý-Ly làm *Nhập Nội Phụ-Chính Thái-Sư Bình-Chương Quân-quốc Trọng Sự*, tước *Tuyên Trung Vệ quốc đại vương*.

Tháng ba năm Mậu-dần Quang-thái mười một (1398), Quý-Ly tự xưng là *Khâm đức Hưng Liệt đại vương quốc tổ nhiếp chính*.

Đến đây, nhà vua họ Trần không còn có một mảy uy quyền gì đối với Quý-Ly nữa, dù là uy quyền ngoài hình-thức. Quý Ly đã chiếm giữ địa vị độc-tôn và nắm được quyền-hành vô-đối rồi.

Nay xét cái niên-biểu trên này, ta thấy trải non ba mươi năm giời (từ năm Tân-hợi 1371 đến năm Mậu-dần 1398), trên bậc thang quan chức, Quý-Ly chỉ có thăng, chứ không một lần nào bị giáng hay bị quở. Mặc dầu có rất nhiều lực-lượng phản động lúc nào cũng chực đánh đổ và hãm-hại, — chúng tôi sẽ nói đến sau, — Quý-Ly đều thắng được cả, vượt hết mọi trở-lực để hoàn-toàn thành công trên trường Chính-trị. Sự thành-công chói chảy ấy tất nhiên phải có nhiều nguyên-nhân góp lại.

Nguyên nhân thứ nhất tức nguyên-nhân căn-bản là do điều-kiện chủ quan tự tập ở ngay cá-

thể Hồ Quý-Ly. Nó là những đức-tính cần thiết của một nhà chính-trị : Phải đủ sáng suốt để nhìn bao quát cả thời-cuộc, phải thừa mềm dẻo để nắm lấy quyền-hành, giữ vững địa vị, phải cương quyết và nhất chí cho người ta tin theo ; phải can đảm và tiện liệu để cản đường đối phương ; và còn nhiều đức tính phục-thuộc nữa để hành động cho đúng kỳ, đúng chỗ, đi trước đối phương mà vẫn thích hợp với hoàn cảnh, Quý-Ly là người rất thông minh, lại thừa cương quyết và nhẫn nại, có đủ mọi đức tính cần thiết ấy. Ta tạm gọi cho là điều kiện chủ-quan rất đầy đủ. Với điều kiện chủ-quan đầy-đủ, thành công được lại phải do điều-kiện khách quan thuận tiện, hay nói rõ hơn, tức là phải có một phạm vi hoạt-động rất thuận tiện để có thể thực hiện đầy đủ những đức-tính trên kia. Cái phạm vi hoạt động của Quý-Ly, nằm trong một hoàn-cảnh xã hội rất thuận tiện, lo những nguyên-nhân sau này kết thành :

Nguyên-nhân gần giữ và đắc lực nhất lúc ban đầu là *hai bà cô ở trong cung giúp đỡ*. Quý-Ly có hai cô đều được kén vào hậu-cung hầu vua Minh-Tông. Một bà đẻ ra vua Nghệ-Tông là Minh-Từ Hoàng-hậu, một bà đẻ ra vua Duệ-Tông, tức Đôn-Từ Hoàng-hậu. Nhờ có hai bà cô cao-quý ấy, Quý-Ly mới được kén vào làm việc trong cung, dần thăng đến chức Chỉ-hậu Chánh chưởng

Bởi vì tính ngoại.thích và nhất là vì tính.tình hoạt bát và sáng việc hơn người, nên được vua Nghệ.Tông rất tin dùng, giao cho chức cao quyền lớn. Qua cái bậc nhảy này thì nguyên.nhân thứ nhất không còn sức mạnh trực tiếp nữa. Nó trụt xuống thành nguyên.nhân phụ.thuộc.

Bấy giờ, giúp vào sự thắng.lợi của Quý.Ly lại có nguyên.nhân thứ hai đắc lực hơn : Ấy là *vua Nghệ.Tôn nhu.nhược và chuyên dùng*. Nhu.nhược không quyết đoán, vua mới giao quyền cho Quý.Ly một tay cương quyết xếp việc đâu ra đấy. Có chuyên dùng, mới tin dùng Quý-Ly suốt hai mươi bốn năm giời (từ năm 1371 đến năm 1394, Nghệ.Tông mất) không hề lúc nào xa bỏ. Nay xét kỹ, cái duyên cớ tin dùng ấy, tin dùng đến để cho Quý-Ly giết con là Trang.Định đại-vương Ngạc, cũng tại vua nhu.nhược không có tài quyết đoán. Cái tính nhu.nhược làm mờ mất đại-sự ở vua Nghệ-Tông đã tỏ ra ngay từ khi binh loạn Dương Nhật-Lễ (1370). Khi ấy Nhật-Lễ là con người phường hát được Huệ-Từ Hoàng-thái-hậu lập làm vua, mưu đổi lại họ Dương, liền giết Huệ-Từ thái-hậu và những Tông-thất nhà Trần. Nghệ-Tông, lúc ấy là Cung Định-Vương, sợ vạ đến mình, liền chạy lên Đà-giang (nay thuộc Hưng-hóa). Ở đấy hơn một tuần, Tông-thất trăm quan lục-tục kéo

đến, đều khuyên vua mau về trừ nội-loạn, vua chỉ sụt sùi từ tạ, không muốn giữ nước, mọi người đều hai ba lần nài xin mãi, mới chịu cho xa-giá chạy xuôi. Về đến phủ Kiến-hưng (nay là phủ Nghĩa-hưng) hào kiệt xa gần đều họp, mọi người xin vua giáng Nhật-Lễ xuống làm Hôn-đức công, rồi lên ngôi vua, thẳng tiến về kinh đô. Quan Thiếu-Úy Trần Ngô-Lang (dự mưu với phái vua Nghệ-Tông) khuyên Nhật-Lễ viết thủ thư kể tội mình, ra ngoài thành lậy xuống đất tạ tội. Vua Nghệ-Tông trông thấy thương tình, liền ôm lấy và khóc bảo Nhật-Lễ rằng :

— Không ngờ hôm nay sự thể lại đến như vậy! Cung tuyên vương Kính (tức vua Duệ-Tông sau này) liền giơ kiếm quát lớn lên rằng :

— Giới đánh kẻ có tội. Tội-nhân sao dám nhiều nhời ! Bệ-hạ há lại đem lòng nhân con trẻ mà làm hỏng nghĩa lớn à !

Liền quát tả hữu lôi đi, giam ở ngoài phường cửa sông, Nhật-Lễ khi lừa mời Ngô-Lang vào bàn việc, nhân bóp giết chết. Tin ấy truyền ra, vua Nghệ-Tông mới lập tức sai đánh chết Nhật-Lễ cùng với con là Liễu, và truy tặng Ngô-Lang làm Tư-Mã, thụy là Trung-Mẫn Á-vương.

Ngay lúc đầu, đem thân gánh việc lớn của nước nhà, dẹp nội loạn cho dòng họ, mà sử sự còn vụng lị như vậy, lại phát lộ cái lòng nhân

đàn bà con trẻ, chả trách chi sau này gặp những việc khó-khăn, đều giao mặc cho Quý-Ly quyết đoán. Mới hay xưa nay, những kẻ thương người vụn vặt thường làm hỏng việc lớn, và những người nhu-nhược như đàn bà con gái không được việc cho mình lại hay giúp người khác thành công. Quý-Ly được thắng lợi, một phần lớn cũng là nhờ ở Nghệ-Tông nhu-nhược và cả tin vậy.

Tuy nhiên, đấy mới chỉ là những nguyên-nhân đưa Quý-Ly dễ dàng đến chính-quyền, chứ chưa hẳn đã giữ vững-vàng được nhà chính trị ở địa-vị độc-tôn. Giúp cho thế-lực Quý-Ly không bị vấp gẫy và cứ mỗi ngày một bành trướng lại do nhiều nguyên-nhân khác nữa. Có công-hiệu hiển-nhiên và trực-tiếp mà ai cũng nhận thấy, ấy là *vây cánh trong triều*. Nhờ tài giao thiệp khéo-léo, Quý-Ly, khi chưa nắm được toàn quyền trong tay, đã gây được một vây-cánh khá mạnh trong triều và trong cung. Lúc đầu, Quý-Ly, nhờ thế lực hai bà cô Minh-Từ và Đôn-Hoàng thái-hậu. Trung-gian lại có em họ là Gia-Từ Hoàng-hậu, vợ Duệ-Tông giúp đỡ. Sau cùng lại có con gái lấy Huệ-Tông là Khâm-Thánh hoàng-hậu. Được sánh duyên với Huy-Ninh Công-chúa, vợ góa Tông-thất Trần Nhân-Vinh, Quý-Ly liền nuôi con Nhân-Vinh như con mình và đem dùng vào việc. Lại lấy

vợ Thượng vị.hầu Trần-Toan, cất con Trần-Toan là Trần-Đỗ lên làm Cung-tần, coi quản mọi việc trong cung, sau Đỗ đổi họ Trần theo họ Hồ.

Nhưng lợi cho Quý-Ly nhất có lẽ là sự thân thiện kết bè với Tư đồ Thượng-tức hầu Trần Nguyên-Đán. Nguyên Đán là con Uy-Túc hầu Thái-Bảo Văn-Bích, chắt Chiêu-Minh đại vương Trần Quang-Khải, lại có công dẹp loạn Nhật-Lễ, được vua Nghệ-Tông rất tin dùng, thường ngự giá đến chơi nhà, tỏ vẻ quyến-luyến. Nguyên-Đán chơi với Quý-Ly rất thân, lại đem con gái là Mộng-Dữ cầu làm thông-gia. Quý-Ly lấy con gái Tông-thất Nhân Vinh gả cho Mộng-Dữ và cử làm chức Đông-cung Phán-thủ. Hai em Mộng-Dữ là Thúc-Giao, Thúc-Quỳnh cũng được nhắc lên làm Tướng quân.

Ngoài ra, Quý-Ly còn dẫn hai người giúp việc rất đắc-lực vào làm quan to ở Triều là Nguyễn Đa-Phương và Phạm Cự-Luận. Nguyễn Đa-Phương là con Nguyễn Sư-Tề, thầy dạy võ Quý-Ly hồi nhỏ. Quý-Ly thấy Đa-Phương có tài, và muốn báo ơn thầy học, liền tiến Đa-Phương làm Đại-tướng. Phạm Cự-Luận thường bàn mưu giúp Quý-Ly, cũng do chức Chủ thư Thị ngự sử được tiến cử Quyền việc Đô-thống. Thời bấy giờ thường nói Quý-Ly có « *Vuông tròn giúp lo* » (do chữ 方圓佐慮 Phương viên tá lự) là ý chỉ Đa-Phương và Cự-Luận vậy.

Có những nguyên nhân trên này góp lại, mà thiếu hoàn cảnh xã-hội thì công cuộc cải tạo cũng không khi nào thực-hiện dưới ánh sáng mặt giời được. Cho nên nguyên nhân xâu xa và quan-trọng nhất, — bao-trùm tất cả — phải là *hoàn-cảnh xã-hội thích-hợp*. Không có hoàn-cảnh thích-hợp, vai trò chính-trị Quý-Ly không thể xuất hiện trên lịch-sử.

Như trên ta đã thấy, hiện trạng xã-hội bấy giờ đang bầy ra mọi cảnh bi-tắc. Guồng máy chính-trị, sau lâu năm đã chạy đều đều và sau mấy năm chiến-tranh chạy rất tinh-vi, nay trở nên chậm-chạp, nghẽn-đọng. Sự ăn chơi sa-phí đưa đến bóc lột hiếp tróc. Sức sản xuất bị quấy rối và giảm đi nhiều. Bao nhà vương hầu quyền quý xây đắp lạc thú lên trên sức lao-động của dân đen. Xã-hội mất hẳn thăng-bằng. Trật-tự không còn giữ được hình-thức. Dân đói khổ nổi lộn lung-tung. Tất cả đòi hỏi một sự cải cách khẩn cấp. Các phần tử ý-thức và cần-lao đều mong-mỏi có sự thay đổi lớn lao để cứu vãn lại tình-thế. Ai nấy đều cố ý ngóng chờ.. để khỏi bị lôi-cuốn vào vòng liều-cực. Thì giữa lúc ấy, Quý-Ly như cảm ứng với thời cuộc mà bước vào trường Chính-trị, cả gan làm những việc mà từ trước chưa mấy ai dám làm, và được dân chúng hoan nghênh ngay và mãi mãi. Bởi vì các công-cuộc đều phù-hợp với toàn thể

dân chúng, nên lại được rất nhiều những phần tử trí-thức có thế-lực, có danh vọng khắp các nơi tin theo và ủng-hộ. Đại để như Vương Như-Chu, Hoàng Hối-Khanh, Đặng-Tất, Nguyễn Cảnh-Chân đều là những người đi tiên phong cho phong-trào cải-cách. Nhất là hai vị Đặng-Tất, Nguyễn Cảnh-Chân là hai tay văn võ toàn tài sau này phò vua Giản-Định lập nên võ công hiển-hách, và lại có con là Đặng-Dung Nguyễn Cảnh-Dị hai vị trung dũng trong hồi chống Minh, còn lưu danh trên lịch-sử nước nhà. Đủ tỏ công cuộc cải cách của Hồ Quý-Ly thích hợp sâu xa với lòng dân vậy.

Được bén rễ vào một hoàn-cảnh thuận-tiện như vậy, phong-trào cải-cách cứ mỗi ngày một lan rộng, lôi cuốn được cả những kẻ phản đối lúc ban đầu trở về với một lòng tin-phục về công-trình đổi mới đang thi-hành trong xã-hội. Đại-biểu ý-thức của phái ấy là Trạng-nguyên Đoàn Xuân-Lôi, nguyên giáo Sư trường Quốc-Tử Giám, người đã gửi một bài bình-luận dài công-kích mọi công-cuộc cải cách văn hóa của Quý-Ly. Về sau, đổi lòng theo mới, nhân khi ở Tây-đô (Thanh-hoa) là nơi kinh đô mới, có người dâng một con sâu hình dạng giống lá cây, Triều-đình cho là điềm tốt, Đoàn Xuân-Lôi làm một bài phú chúc-tụng dài đến ba mươi tám vần, để ca-tụng đời thịnh-trị. Trong bài phú

có dùng cả chữ « *Kim.Âu* » 金甌 là tên Hồ Quý-Ly mới đặt cho núi Đại-Lại thuộc huyện Vĩnh-lộc liền Tây-đô.

Có hoàn-cảnh xã-hội thích hợp, được đại đa số dân-chúng hoan nghênh, thêm vào với mấy nguyên-nhân cần-thiết — nhưng phụ thuộc trên kia, Quý-Ly có thừa điều kiện cốt yếu để đi đến thành công.

V

Cải cách võ-bị

Muốn mọi việc cải cách trong nước thi-hành cho có hiệu-quả, cần nhất phải có sức mạnh đi kèm theo để ngăn cản mọi sức phản động bên trong và chống lại các lực-lượng bên ngoài nhân thừa cơ lẻn vào chiếm đóng. Quý-Ly biết tình-thế lắm, nên rất để tâm đến việc chỉnh-đốn võ-bị, làm cho trong nước có một đội quân rất hùng-mạnh. Ngay từ khi mới dự chính quyền, tháng tám năm Quý-Sửu, Long-Khánh nguyên niên (1374), Quý-Ly đã xin ra lệnh định lại quân ngũ, và đóng nhiều chiến-thuyền, kén tráng đinh chia làm ba hạng quân. Tháng tám năm sau, Giáp-dần (1375), đặt thêm quân-hiệu. Trước kia quân túc-vệ chia làm bốn *Thiên*, bốn *Thánh*, bốn *Thần*, nay đặt thêm ra các quân *Uy-tiệp*, *Bảo-tiệp*, *Long-dực*, *Thần-dực*, *Điện-hậu*; đầu bắt ruộm trán để dễ nhận : quân túc vệ, trán vẽ đen ; quân mới đặt, trán ruộm tím. Lại cho Thanh-hóa, Nghệ-an, Lâm-bình, Thuận-hóa, đặt quân hiệu riêng. Cứ hai viên Chánh

tiền hoàng-nam, hai mươi tuổi là đại-hoàng-nam, sáu mươi tuổi là lão. Trên xã-quan, có *Đại-tiểu Tư-xã*. Từ ngũ phẩm trở lên làm *Đại tư xã*, từ lục phẩm giở xuống làm *Tiểu tư xã*, mỗi viên cai trị hoặc hai xã, hoặc ba bốn xã. Trên nữa đến hai quan *Chánh Phó An phủ sứ* cai trị một *Lộ*. Tất cả nước có mười hai *Lộ*. Còn các Tân quan coi về công việc chuyên môn không kể.

Thể thức cai trị ấy càng theo với hoàn cảnh sinh hoạt mà lâu ngày thành lưu tệ đề nát, nên khi Quý-Ly mới bước vào trường chính trị là đặc biệt để ý xét lại ngay. Tháng năm được cử làm khu mật Đại-sư, sang tháng chín Quý-Ly đã đi kinh lý toàn hạt Nghệ-an, thăm rõ tình dân; tháng tám năm sau, xin chiếu bắt Mọi Lộ làm sở trường-tịch.

Đến tháng tư năm Đinh-sửu Quang-thái thứ mười (1397) triều Thuận-Tông, Quý-Ly đổi các Lộ làm *Trấn*: Thanh-hóa đổi ra Thanh đô Trấn; Quốc-oai là Quảng-oai trấn; Đa-giang lộ là Thiên-hưng trấn; Nghệ-an lộ là Tâm-an trấn; Trường-an lộ là Thiên-quan trấn; Diên-châu là Vọng-giang trấn; Lạng-sơn phủ là Lạng-sơn trấn; Tân-bình phủ là Tân-bình trấn. Và bỏ các Tư xã, đề một chức quan giáp. Quý-Ly lại đặt thêm quan chức: Lộ hay Trấn vẫn có An phủ chánh phó sứ; phủ đặt chánh phó Trấn phủ sư; châu đặt Thông phán, Thiêm-phán; huyện đặt

Lệnh.úy, Chủ.bạ. Lộ coi phủ, phủ coi châu, châu coi huyện. Lộ nào cũng phải có một tập sổ sách về những việc đinh, điền, tiền thóc, kiện tụng, đến cuối năm đệ về kinh xét lại.

Quý.Ly lại đặt thêm chức Đô.đốc, Đô.hộ, Đô.thống, Tổng.quản, Thái.thú để sai quản từng khu một, cử con giai là phó.tướng Hồ Hán.Thương lĩnh chức Đông.đô Đô.hộ phủ; quan Thái.bảo Trần Nguyên.Hãng lĩnh Bắc.giang Đô.thống phủ; Trần Nguyên.Trừ lĩnh Tam.giang Đô.thống phủ; Thiếu-bảo Vương Nhữ.Chu coi mọi việc quân dân phủ Thiên.trường; Hành.khiển Hà.đức.Lân kiêm Thái-thú phủ Tân.an.

Ở trong triều, thì năm trước Bính.tí (1396) Quý.Ly theo đề nghị của Thiếu.bảo Vương Nhữ.Chu, định lại mũ và phẩm phục các quan: Nhất phẩm mặc áo sắc tím, Nhị phẩm mặc sắc đỏ tươi, Tam phẩm áo sắc hồng, Tứ phẩm sắc lục, Ngũ, Lục, Thất phẩm sắc biếc; Bát, Cửu phẩm sắc xanh; vô phẩm với hoành nô là đầy tớ nhà quan áo sắc trắng. Các quan văn từ lục phẩm giở lên đội mũ Cao.sơn; Võ từ lục phẩm giở lên đội mũ Triết.sung; Tông.thất đội mũ Phượng.thắng đen; Chức cao mà không có tước phong, đội mũ Giốc-đinh; Thất phẩm đội mũ Thái-cổ; Tông-thất phẩm đội mũ Tản-hoa; Vương-hầu đội mũ Viễn-du; Ngự-sử đài đội

mũ Khước-phi. (Minh dáng các thứ mũ ấy chưa khảo được rõ).

Tháng ba năm Canh-thìn, Kiến-tân thứ ba (1400) đời Thiếnđế, Quý-Ly đã cướp ngôi rồi, đổi niên hiệu là Thành-nguyên, đặt chức *Liêm-phóng sứ* ở mỗi lộ để trinh thám, cho đi khắp các nơi dò hỏi xem quan lại hay dở thế nào, dân tình sướng khổ ra sao, rồi lấy đấy làm chuẩn đích để thăng giáng các quan chức.

Kể riêng về mặt chính-trị, công cuộc cải cách của Quý-Ly không có gì đáng gọi là lớn lao rộng khắp. Chẳng qua, ai đã có tâm huyết ở vào địa vị ấy, cũng có thể làm được như thế hay hơn nữa. Vậy ta phải xét qua các phạm vi khác mới thấy cái tài lỗi lạc của nhà chính-trị họ Hồ.

IV

Cải cách chính-trị

Đứng trước một xã-hội rối nát, đang cần cải-cách về tất cả mọi phương diện, Hồ Quý-Ly phải tùy từng trường hợp, đồng thời hay gián đoạn, thi hành chính sách đổi mới ở tất cả các mặt : chính-trị, kinh-tế, võ-bị và văn-hóa, chứ không thể theo tinh cách trước sau, hơn kém. Nhưng ở đây, cho tiện bề khảo-xét, cần phải xếp những công trình tổ chức của nhà Hồ chính-trị lấy qua riêng từng phạm-vi một. Chúng tôi bắt đầu từ phạm.vi chính.trị, tức là công việc xếp đặt trật tự trong nước.

Việc chi.trị lúc bấy giờ vẫn theo như nền nếp cũ đời vua Trần Thái.Tông (1225-1258). Ở dưới cùng, nhiều dân cư tụ lại thành một làng. Mỗi hạ viện xã-quan là Xã.chánh, Xã.sử, Xã.giám trông coi mọi việc. Trong làng Xã-quan phải khai *đơn số* nhân khẩu vào sổ, kể rõ số người trong làng bao nhiêu quan văn võ, sơ lại, quân lính, hoàng nam, lão, tàn tật và những người phiêu tán đến phụ tịch. Đến đinh mười tám tuổi là

phó Đại đội trưởng quân lính. Do những đề-nghị cải cách ấy, tháng giêng năm sau, Ất-mão (1376), Quý-Ly được cử làm Tham-mưu quân-sự, kén trọn và chỉ-huy tất cả các Tông-thất và quan viên giỏi võ-nghệ vào trong quân ngũ.

Tháng giêng năm Mậu-ngọ, Xương phù thứ hai (1378), kén các người trong quân, khỏe mạnh am-hiểu võ-nghệ vào làm *Vệ-sĩ* giám đốc mọi quân, cử Trần-Ngoạn quản quân Thiên-đinh; Bùi-Hấp quản quân Thiên-Uy; Hoàng Phụng. Thế quản quân Thánh-Dực; Trần Thế Đăng quản quân Thần-dực; Bùi Bá Ngang quản quân Thần Sách; Nguyễn Kim-Ngao quản quân Thần-Vũ; Trần Trung-Hiếu quản quân Bảo-tiệp; Trần-Bang quản quân Long-tiệp; Lê Mật-Ôn quản quân Hoa-ngạch; Đỗ Giã-Kha quản quân Thị-vệ; Nguyễn Tiền-Luật quản quân Thiên-trường; Nguyễn Bát-Sách quản quân Thiết-sang; Nguyễn Văn-Nghệ quản quân Thiết-giáp; Nguyễn Hồ-Lê quản quân Thiết-liêm; Nguyễn Thánh-Du quản quân Thiết-hổ; Trần Quốc-Hưng quản quân Ô-đồ.

Có tinh-thần cải cách, Quý-Ly lại tỏ ra có tài cầm quân khiến ba quân phải sợ phục. Năm Canh-thân, Xương-Phù thứ tư (1380), quân Chiêm-thành vào đánh cướp Nghệ-an, Thanh-hóa, Nghệ-Tông sai Quý-Ly lĩnh thủy quân cùng với Đỗ Tử-Bình đem bộ quân tiến đánh. Đến

Ngu-giang, là phản-lưu sông Mã ở địa giới phủ Hoằng-hóa, Quý-Ly sai Thần-vũ Tướng quân Nguyễn Kim-Ngao, Thị-vệ tướng quân Đỗ Dã-Kha ra đánh. Nguyễn Kim-Ngao quay thuyền lánh giặc. Lập tức Quý-Ly sai bắt Kim-Ngao lại, chém đầu nêu cho ba quân biết để nghiêm quân lệnh. Mọi quân đều đánh trống hò reo mà tiến. Chúa Chiêm là Chế Bồng-Nga thua chạy. Thắng trận ấy, Quý-Ly được chiếm cả quyền của Đỗ-Tử-Bình, thống chế cả mọi quân Thủy Bộ.

Cũng nhờ có những sự cải-cách trong quân-đội như thế, nên đến năm Canh-ngọ, Quang-Thái thứ ba (1390). Đô-Tướng Trần Khát-Chân mới thắng quân Chiêm một cách vẻ vang, chém được đầu Chế Bồng-Nga, để nhận lấy chức Long-tiệp Phụng-Thần, Nội vệ thượng Tướng-quân, tước Vũ-tiết Quan Nội-hầu.

Và cũng vì chỉnh-đốn lại quân đội, Quý-Ly mới có đủ lực-lượng giẹp được mọi cuộc nội-loạn chống lại mình mà chúng tôi sẽ nói đến ở chương IX sau đây.

Về sau khi đã chiếm ngôi vua rồi, Quý-Ly lại càng phải gia công sửa sang võ-bị mong có đủ sức mạnh để chống nhau với quân nhà Minh bên Tàu. Quý-Ly thường mưu bàn với quần thần rằng :

— Ta làm thế nào có trăm vạn quân để địch nổi giặc Bắc ?

Nhân thế, Đồng-Tri Khu-Mật sứ Hoàng Hối-Khanh xin làm lại sổ Hộ-tịch, hai tuổi giờ lên đều phải *trước tịch*, nghĩa là biên tên vào sổ; người Kinh đi buôn ngụ ở ngoài phiên trấn, đều bắt về khai ở nguyên quán, không được ẩn lậu. Quý-Ly theo đề-nghị ấy, tháng tư năm Tân-tị, Thiệu-Thành nguyên-niên (1401), chiếu làm lại Hộ-tịch. Khi làm xong, điểm số dân từ mười lăm tuổi đến sáu mươi tuổi hơn gấp mấy lần lúc trước. Từ đó số quân hiện dịch lại thêm ra được nhiều.

Tháng tư năm Giáp-thân Khai-Đại thứ ba (1405), sau khi điểm duyệt quân ngũ, Quý-Ly lại kén những dân tráng nghèo làm quân *Trợ-dịch*, sau đổi là quân *Bồi-vệ* chia làm Tả-quân và Hữu-quân, cứ quan văn võ càng họ ra cai quản.

Cùng năm ấy, Quý-Ly ban lệnh đóng chiến thuyền để phòng giữ mặt sông mặt bể. Chiến-thuyền đóng bằng sắt gọi là thuyền *Cổ-lâu*, trên có đường sàn đi lại, ở dưới cứ hai người chèo chống một dầm, rất tiện cho sự chiến đấu.

Tháng bảy năm sau Ất-dậu (1406) Hồ Hán-Thương con Quý-Ly, thân đi kinh lý khắp cả núi sông và mọi cửa bể, để kiểm soát lại công trình phòng ngự ở các sông lớn và cửa bể, vì trước kia đã có lệnh bắt các quan địa-phương đẽo gỗ làm *chông-chà* cắm kín cửa sông cửa bể để ngăn thuyền địch đi qua.

Quý-Ly lại đặt ra bốn *Kho quân-khí* để tích trữ chiến cụ, và bắt những người có nghề khéo đều đến đấy làm việc chế tạo khí-giới.

Tháng chín, họ Hồ định lại quân-chế, lấy Nam Bắc quân chia làm 12 vệ ; Đông Tây quân chia làm 8 vệ. Mỗi vệ có 18 đội, mỗi đội 18 người. Đại quân có 30 đội, Trung quân có 20 đội. Mỗi doanh mười lăm đội ; Mỗi Đoàn 10 đội. Còn Cấm vệ mỗi thứ 5 đội. Có chức Đại-tướng quân thống lĩnh tất cả.

Tính ra tổng-số quân đội nước chừng 10 vạn người có thao luyện.

VI

Cải-cách kinh-tế

Công-cuộc cải cách của Quý-Ly xuất sắc nhất ở phạm vi kinh-tế xã-hội và văn-hóa, vì ở đấy, cái tài quán-xuyến và cái óc phát minh của nhà chính-trị mới phát hiện rõ ràng.

Phàm chính-phủ nào cũng vậy, giữa lúc sự sinh hoạt xã-hội trở nên eo-hẹp quẩn-bách vì những nguyên-nhân nội-tại, thì nền tài chính của chính-phủ cũng khủng-hoảng theo, các nhà cầm quyền cần phải hết mưu khôn ngoan và giàu sáng kiến, đổi tài đem sửa đổi lại điều kiện kinh-tế mới có thể cứu vãn lại tình-thế.

Tình hình kinh-tế thời Trần mạt cũng vậy. Dân-gian thì luôn-luôn bị đói khổ mà nền tài-chính của nhà nước lại thiếu hụt. Đứng trước nỗi khó-khăn ấy, Quý-Ly, hơn hết cả các nhà chính trị trên lịch-sử Việt-Nam, đã đem tài kinh tế ra soay nổi lại thời cục, kéo nền tài-chính trong nước trở về với mực thường và có khi rồi-rào hơn nữa. Trước hết, khi mới bước chân

vào chính-quyền, Quý Ly đã thi-hành chính sách *quyên thóc*, cho phép quân dân, ai có thóc cúng vào nhà nước thì được phong tước theo thứ bậc nhiều ít. Năm kỷ-mão, Long-Khánh thứ ba (1375), lại hạ chiếu bắt buộc những nhà giàu ở các Lộ phải nộp thóc cho Nhà nước đổi lấy tước phẩm có thứ bậc.

Rồi kế đến một cuộc cải-cách mới mẻ và vĩ-đại nhất là sự *phát hành tiền giấy* vào năm Đinh-sửu (1397). Những tiền giấy, về nguyên-tắc, cũng không khác gì những giấy bạc ngày nay. Nó rất tiện cho việc buôn bán và có lực tập-trung tất cả tài sản trong nước về Chính-phủ mà bấy lâu bị đầu cơ tích-trữ tại các tư gia. Những tiền giấy ấy gồm 7 hạng :

Giấy vẽ rồng bể ăn 10 đồng tiền ;

Giấy vẽ sóng nước ăn 30 đồng tiền ;

Giấy vẽ đám mây ăn 1 tiền ;

Giấy vẽ con rùa ăn 2 tiền ;

Giấy vẽ con lân ăn 3 tiền ;

Giấy vẽ con phượng ăn 5 tiền ;

Giấy vẽ con rồng ăn 3 quan.

Ai làm giấy tiền giả, phải chịu tử hình, điền sản bị tịch thu sung công. Giấy tiền in xong đem bán cho dân đổi một quan tiền thực lấy một quan hai tiền giấy. Tiền đồng cấm tiệt không được dùng, ai có phải đem nộp kho đổi lấy tiền

giấy. Người nào dấu diếm và tiêu riêng tiền đồng cũng bị tội như kẻ làm tiền giả giấy giả.

Đi đôi với việc phát hành tiền giấy, một việc sửa đổi quan-trọng nữa thi hành vào năm Quý-mùi (1403) là *ban hành các đồ đo lường* như cân, thước dẫn, thưng cho dân dùng, theo một kiểu mẫu nhất định để duy nhất việc buôn bán. Lại đặt ra chức *Giám-thị* kiểm soát việc buôn bán ở các chợ và ban ra mấy điều luật thương mại cấm bán hàng cao giá và đóng cửa hàng, để giữ giá trị cho tiền giấy của Chính-phủ.

Để làm giảm thêm cho Công-khố nhà vua năm Nhâm-thìn (1401) Quý-Ly đặt thêm ra một thứ thuế mới đánh vào những thuyền buôn. Những thuyền buôn chia làm ba hạng: Thuyền hạng nhất phải nộp mỗi chiếc 5 quan; hạng nhì 4 quan; hạng ba 3 quan.

Những việc cải cách trên đây, xét ra, chỉ có lợi riêng về buôn bán. Đành rằng lúc bấy giờ việc buôn bán đã phát đạt lắm, nhưng phần đông dân-chúng vẫn chuyên về nông nghiệp. Ruộng mới chính là vấn đề sinh-tử của con người ta, ai chiếm được nhiều ruộng là giàu có sung-sướng hơn người khác và bóc lột nhân công của kẻ không ruộng. Bởi vậy, việc định lại ruộng đất là một việc cần phải thi-hành cho triệt để, nếu muốn giữ vững mực thăng bằng về kinh-tế. Quý-Ly biết rõ lắm, nên trước hết, nắm

Mậu-dần (1398), hạ lệnh *đạc điền*, hạn 5 năm phải thành. Đây là một công việc phiền phức và khó khăn, vì nhiều số ruộng lậu thuế, dân có ruộng không chịu khai rõ. Quý-Ly giao cho các quan Lộ, Phủ Châu Huyện phải sức dân có ruộng khai rõ số mẫu, rồi biên vào với họ tên tiêu đề cả lên trên thửa ruộng. Các quan địa phương sẽ hội-đồng kiểm soát đo lại rồi làm thành điền bạ. Thửa ruộng nào không có cung-khai thời lấy làm công-điền.

Những sự cải-cách này, nếu được thi-hành triệt-để, cũng có thể làm lợi cho dân, cho nước nhiều lắm. Nhưng cái kết quả mong ước chưa thực hiện được, thì cả nền tổ-chức của chính-khách họ Hồ cũng sụp đổ theo, như ta sẽ thấy ở chương XI, vì quân đội nhà Minh tràn sang chiếm cứ.

VII

Cải-cách xã-hội

Về phương diện xã-hội, Quý-Ly có những sáng kiến cải cách rất mới lạ đối với thời bấy giờ.

Muốn cho nhân dân không chênh-lệch quá vì kẻ giàu người nghèo, Năm Đinh-sửu (1397) Quý-Ly thực hành phương-pháp hạn chế nhà giàu và phân-phối ruộng đất. Trước kia, mọi nhà Tông-thất thường cho nô tỳ ra ngoài bãi bể đắp đê ngăn nước mặn trong độ hai ba năm khai khẩn thành ruộng, lập thành tư-trang. Nay theo lệnh hạn chế, chỉ trừ các bậc đại-vương và Trưởng công-chúa ra, còn không được người nào cấy quá mười mẫu ruộng. Bao nhiêu số thừa phải nộp cho nhà nước, hoặc ai có tội hay bị giáng truất được phép đem ruộng ra chuộc tội.

Việc sưu thuế, muốn cho công-bằng, Quý-Ly cũng sửa đổi lại. Về thuế điền, theo chế-độ nhà Trần thi-hành từ trước, mỗi mẫu tư-điền,

phải nộp 3 thưng thóc, mỗi mẫu ruộng dâu nộp 9 quan hoặc 7 quan. Thuế đinh, theo đề nghị của Đỗ Tử-Bình, thi hành từ năm Mậu-ngọ Xương-phù thứ hai (1378), mỗi xuất nhất luật phải nộp 3 quan. Năm Nhâm-ngọ (1402) họ Hồ định lại : ruộng tư điền mỗi mẫu phải đóng 5 thưng ; còn ruộng dâu chia làm ba hạng: hạng nhất 5 quan, hạng nhì 4 quan, hạng ba 3 quan. Thuế thân tùy theo số ruộng định như sau :

Hạng không ruộng và cô-nhi quả phụ không phải chịu thuế ;

Hạng có 6 sào phải nộp 5 tiền giấy ;

Hạng có 6 đến 1 mẫu phải nộp một quan tiền giấy :

Hạng có 1 mẫu 1 sào đến 1 mẫu 5 sào nộp quan 5 tiền giấy ;

Hạng có 1 mẫu 6 sào đến 2 mẫu phải nộp 2 quan tiền giấy ;

Hạng có 2 mẫu 1 sào đến 2 mẫu 5 sào phải nộp 2 quan 6 tiền giấy :

Hạng có 2 mẫu 6 sào trở lên phải nộp 3 quan tiền giấy.

Ta nên công-bình mà nhận rằng sự sửa đổi về sưu thuế này không có lợi cho dân, trái lại, đeo thêm gánh nặng cho dân-chúng. Vì, theo như chế-độ thuế đinh mới có từ đời Trần Thái-Tông và thi-hành mãi đến năm Mậu-ngọ (1378), thuế thân vẫn tính theo số ruộng : Ai có một, hai mẫu ruộng phải đóng mỗi năm 1 quan tiền ;

ai có ba hốn mẫu phải đóng 2 quan ; ai có năm mẫu trở lên phải đóng 3 quan. Như vậy, thuế đinh đời Trần vẫn nhẹ hơn đời Hồ. Có lẽ từ năm Mậu-ngọ (1378) đến năm Nhâm-ngọ (1402), trong khoảng 24 năm giời, thi hành chính sách Hồ Tử-Bình, dân gian ta oán lắm, nên Quý-Ly mới nhân dấy sửa đổi lại cho hợp với lòng mong mỏi của đa số dân nghèo chăng ?

Mấy việc cải cách quan trọng nữa về phương diện xã hội của nhà chính trị họ Hồ, là việc *hạn nô* (hạn chế số đầy tớ), *ấn định thực dân*, lập *Quảng-tế-thự* (tức là nhà Thương phát thuốc) và việc *cứu tế xã hội*.

Theo chế-độ cũ nhà Trần, các vương-công được nuôi rất nhiều đầy tớ. Họ Hồ muốn làm giảm thế lực các nhà quyền quý trung thành với nhà Trần, nên năm Tân-tị (1401) lập ra phép hạn chế đầy tớ, mỗi nhà quyền quý chỉ được nuôi một số đầy tớ nhất định nhiều ít tùy theo phẩm trật. Số đầy tớ thừa phải giao giả nhà nước. Đầy tớ đều phải đánh dấu ở trán để phân biệt : Đầy tớ của nhà nước vẽ *hỏa-châu* ; của Công chúa vẽ *dương-đường* (hiện nay không rõ hai lối vẽ hoa-châu và dương đường như thế nào? đầy tớ nhà đại-vương, có một khoanh đỏ ; đầy tớ nhà Nhất nhị phẩm, một khoanh đen ; Từ tam phẩm giở xuống 2 khoanh đen.

Đối với những dân không có ruộng đất, họ Hồ thi-hành chính sách thực dân cho họ có công ăn việc làm. Trước hết, vào khoảng năm Nhâm-ngọ (1402) họ Hồ bắt dân sửa sang con đường Thiên-lý từ Tây-đô đến Châu-Hóa. Cùng năm ấy, Đỗ-Mãn đánh Chiêm thành, chúa Chiêm Ba Đích-Lại, thua sợ, xin dâng đất Chiêm-Động và Cổ-lũy. Quý-Ly liền chia đất ấy ra làm bốn châu : Thăng, Hoa, Tư, Nghĩa, đặt Lộ Thăng-Hoa để thống trị bốn châu, chỗ giáp giới với nước Chiêm thì đặt ra Trấn Tân-Ninh. Quý-Ly liền cử Nguyễn Cảnh-Chân làm An phủ sứ Lộ Thăng-Hoa, và bắt dân không có ruộng đất vào lập nghiệp ở đất mới. Bọn họ được tổ chức thành từng đoàn như quân đội, đưa cả vợ con theo, chia nhau ra ở các nơi. Mỗi người đàn ông phải thích ở cánh tay, hai chữ tên châu mình ở. Trong khi ấy dân gian ai có trâu bò nộp nhà nước để đem cung cấp cho di-dân, đều được ban phẩm tước.

Nay xét ra cộng cuộc di-dân ấy về nguyên-tắc, cũng không khác gì những công-cuộc mà các nhà chính-trị ngày nay đang thi hành.

Năm Quý-mùi (1403) họ Hồ đặt ra *Quảng-Tế thự* giao cho Nguyễn Đại-Năng là một thầy thuốc chuyên môn châm-chích, làm Quảng-tế thự Thừa, để trông coi chữa bệnh cho mọi người. Sau lại cử Nguyễn Đại-Năng kiêm cả chức thầy thuốc nhà binh.

Trước tình-cảnh đói khổ của dân-chúng luôn luôn xảy ra sau khi quân Chiêm vào ăn cướp, hay là sau những năm hạn, lụt, họ Hồ rất lưu ý đến việc *cứu tế xã-hội*. Những năm nào đói kém quá, triều đình sức các lộ-quan kiểm lượng số thóc của những nhà giầu rồi đứng bán đều cho dân nghèo bằng một giá rẻ. Năm Tân-tị (1401), Quý-Ly xuống chiếu lập ở mỗi Lộ một kho thóc gọi là Kho *Thường-Bình*, theo kiểu nhà kho của quan lại Tư-Nông cạnh thợ-xương đời Hán-tuyên-đế (73-49 trước Tây-lịch) hễ khi thóc hạ, thì lấy tiền công lên cao giá đong thóc của dân, đến khi đói kém, thóc cao, lại giảm giá xuống bán rẻ cho dân, hoặc là đem chẩn-cứu dân nghèo.

Ngoài ra, Quý-Ly còn cho thực hành những công tác lớn như đắp đê ngăn nước mặn để lợi cho dân làm ruộng và khai rộng những bến những sông vùng Thanh-hóa Nghệ-an để tiện cho sự chuyên-chở.

Cải-cách văn-hóa

Trong mọi phương diện cải cách, chỉ ở địa hạt văn hóa, ta mới được thấy rõ cái óc phán đoán, cái gan lão bạo và cái tinh cương quyết nơi nhà chính trị họ Hồ. Và chỉ ở đây, ta mới thấy công cuộc cải cách có được ít nhiều « tinh thần cách mạng ». Thật, chỉ ở đây, họ Hồ, *một đời khí*, mới mạnh bạo lột đổ những cái gì từ trước vẫn được người ta thần phục, tôn thờ. Ở đây họ Hồ mới tỏ được tinh-thần tự-lập, không nô-lệ cổ nhân.

Trước hết, Quý-Ly đem văn chương quốc-âm tôn địa vị cao quý! Năm Đinh-mão, Xương-phù thứ mười một (1387), được Thượng-Hoàng Nghệ Tông ban cho cờ kiếm, Quý-Ly làm thơ quốc-âm tạ ơn. Năm Kỷ-hợi Quang-Thái thứ tám (1394) Quý-Ly được gia phong làm Nhập-Nội, Phụ-Chính Thái-sư, Bình-Chương quân quốc trọng sự, tước Tuyên-Trung Vệ-quốc đại vương. Nhân dịp, Quý-Ly biên thiên *Vô-Dật*

trong Kinh Thư là thiên chép nhời Chu.Công dạy vua Thành.Vương, đem dịch ra quốc âm để dạy vua Thuận.Tông.

Đến năm Đinh-sửu (1396), Quý.Ly lại dịch xong pho Kinh Thi và giảng bằng quốc văn để các nữ quan dạy hậu phi và cung nữ học tập. Đầu sách, Quý.Ly bỏ bài tựa của Chu.Hy đi rồi tự đề một bài tựa đại ý nói sách ấy dịch và giải theo ý kiến riêng của mình, chứ không bắt chước theo tập truyện của Chu.Hy.

Quý.Ly có tư.tưởng rất mới về việc học, ưa thực hành hơn lýthuyết, giống kiểu Vương An Thạch (1021-1806) đời Tống thần tông bên Tàu Để diễn đạt cái tư tưởng ấy, Quý.Ly soạn ra quyển sách *Minh.Đạo*, nghĩa là sáng tỏ Đạo nho, dâng lên vua Nghệ.Tông năm Nhâm.thân, Quang.Thái thứ năm (139-) được vua ban chiếu khen thưởng. Đấy là một quyển sách phê bình Nho giáo gồm 14 thiên, đại lược khen Chu.Công hơn Khổng.Tử, tôn Chu.Công làm bậc Tiên.thánh, Khổng.Tử làm Tiên.sư. Trong văn miếu, thờ Chu.Công chính giữa quay mặt phương Nam; Khổng.Tử ngồi bên ngảnh mặt mặt sang Tây. Trong Luận.ngữ có bốn chỗ đáng ngờ:-1) *Khổng-Tử đến chơi nàng Nam.Tử*; 2) *Khổng.Tử hết lương ở nước Trần*; 3) và 4) *Công Sơn Phất Nhiễu, Phất-Bật với Khổng.Tử, Khổng-Tử muốn đi.*

Cũng trong sách Minh-đạo ấy, Quý-Ly cả gan luyên ân Hàn-Dũ một danh nho đời Đường hết sức bài Phật, là *đạo nho* (tức là nhà nho ăn trộm) bảo Chu Mậu-Thúc (tức Chu Đôn-Di, hiệu là Liêm-Khê), Trình-Hiệu, Trình-Di, Dương-Thì (tức Dương Quy-Sơn) Lý Duyên Niên, La Trọng-Tố, Chu-Tử (tức Chu-Hy, hiệu Hối-Am) nội bác hiền giả đời Tống ấy, đều là học rộng nhưng tài thường, không thiết thực đến sự tình, chỉ chuyên nghề cắp lột văn chương tư tưởng.

Thật là một quyển sách phê bình triết học đầu tiên ở nước ta, tuy tư tưởng có quá thiên về thực hành và quên mất điều quan trọng là hoàn cảnh thực tại chi phối tư tưởng các hiền giả kể trên, quyển sách ấy cũng nêu cao trong học giới cái tinh thần hoài nghi và tự tín mà đến mãi ngày nay, phần nhiều những nhà văn và học giả vẫn chưa có được. Tiếc rằng ngày nay, ta không còn được biết mặt mũi quyển sách ấy cùng là những văn thơ quốc âm của tác giả để thưởng thức cái chân tài văn học của nhà chính-trị họ Hồ.

Có tinh thần phán đoán và công kích cổ-nhân như vậy, nên Quý-Ly rất khinh bỉ hạng nhà nho hạng nô-lệ người xưa, hay viện chuyện đời xưa để bàn chuyện đời nay : Năm Nhâm-Ngọ (1402) Nguyễn Cảnh-Chân được cử làm An Phủ sứ lộ Thăng-hoa, có dâng thư xin theo việc cũ

nhà Hán, nhà Đường, là mộ dân nộp lúa để chứa giúp ở chỗ ven cõi, rồi ban tước hay tha tội cho họ tùy theo thứ bậc. Quý-Ly liền phê vào bức thư rằng:

« *Biết được mấy chữ, mà hay nói đến việc Hán, Đường! Thật là người câm hay nói, chỉ tổ mua cười thôi!* »

Sẵn tư tưởng mới mẻ hơn đời, Quý-Ly càng chú trọng đến việc học, thay đổi lại việc giáo dục và cách thi cử. Quý-Ly có ý bỏ lối thi, dùng lối *tuyển cử* (kén những người giỏi đưa lên), nên năm Đinh-sửu (1937) đặt ra ngạch học quan và ban ra tờ chiếu này:

« Cổ-giả, quốc hữu học, đảng hữu tự, toại
« hữu tường. Sở dĩ minh giáo hóa, đôn phong
« tục dã, trẫm ý thậm mộ yên. Kim quốc-đồ chi
« chế dĩ bị, nhi chu huyện thường khuyết, kỳ
« hà dĩ quảng hóa đân chi đạo tai? Ưng kim
« Sơn-Nam, kinh Bắc, Hải-đông chư Lộ phủ
« các chỉ Học quan giáo thụ nhất viên, tự điển
« hữu sai; đại phủ chu thập ngũ mẫu; Trung
« phủ chu thập nhị mẫu; tiểu phủ chu thập
« mẫu, dĩ cung bản học chi dụng, (tạo sớc nhất
« phần, học nhất phần, thư đăng nhất phần)
« Lộ quan đốc học-quan giáo huấn sinh-đồ, sử
« thành tài nghệ. Mỗi tuế qui, tảo tuyển tú sĩ
« cống vu Triều. Trẫm tương thân thi nhi trọng
« chi yên! »

古者國有學.黨有序.遂有庠.所以明教化.敦風俗也.朕意甚慕焉.今國都之制以備.而州縣尚缺.其何以廣化民之道哉.應今山南,京北,海東,諸路府各置學官教授一員.賜官田有差.大府州十五畝.中府州十二畝.小府州十畝.以供本學之用.造朔一分.學一分.書燈一分.路官督學官教訓生徒.使成才藝.每歲季則選秀者貢于朝.朕將親試而擢之焉.

(Đời xưa nước có nhà Học, ở thôn Đảng có nhà Tự, ở xóm có nhà Tường, là để mở mang giáo hóa, làm tốt phong tục vậy. Ý Trẫm vẫn lấy làm hâm mộ. Nay thể chế ở kinh đô nước ta đã đầy đủ, mà ở châu huyện còn thiếu, thì biết lấy gì mở rộng cái đạo dạy dân? Nên nay ở các lộ Sơn-nam, Kinh-bắc, Hải-đông, mỗi phủ châu đều đặt một viên học quan để dạy dỗ, ban cho ruộng công tùy theo thứ bậc: phủ châu lớn 15 mẫu; phủ châu vừa 12 mẫu; phủ châu nhỏ 10 mẫu, để cung vào việc học trong hạt (một phần làm lễ sóc, một phần vào việc học, một phần chi đèn sách). Các quan ở Lộ phải đốc các học quan dạy dỗ học trò, khiến cho thành tài nghệ. Mỗi lần cuối năm, phải kén những kẻ học giỏi cống vào Triều, Trẫm sẽ thân ra thi để cất dùng làm quan.)

Về việc thi, trước kia nhà Trần ra đầu đề không định thể, đến năm Bính-tí, Quang-Thái thứ chín (1397), Quý-Ly mới định lại lệ thi, dùng thể văn *tứ trường* mà bỏ phép ám tả cổ văn: kỳ thứ trường đệ nhất ra một bài *kinh nghĩa* có đủ mấy đoạn: phá đề, tiếp ngữ, liễu giảng, nguyên đề, đại giảng, triệt kết, hạn từ 500 chữ trở lên; trường đệ nhị có *thơ phú* một bài thơ luật Đường, một bài phú cổ thể, *lão* hay *tuyền* mặc ý, hạn từ 50 chữ giở lên; trường đệ tam ra *chiếu, chế, biểu* mỗi thứ một bài: chiếu dùng thể văn đời Hán, chế, biểu dùng thể tứ lục đời Đường, đến đệ tứ trường, có một bài *văn sách* cho đề trong kinh sử và việc đương thời, hạn từ 1000 chữ trở lên. Cứ *thi hương* năm trước, đến năm sau *thi hội*, thí sinh trúng tuyển rồi còn phải thi một bài văn sách vua ra đề định trên dưới.

Nhưng đến năm Giáp-thân (1404) khi đã cướp ngôi rồi, cha con họ Hồ lại thay đổi phép thi một lần nữa. Lần này phỏng theo lối thi của nhà Nguyên, chia làm bốn trường. Lại đặt thêm ra trường thứ năm nữa để thi *toán viết* và *toán tính*. Toán học bắt đầu chiếm một địa vị quan trọng trong các kỳ thi. Cứ ba năm lại có một kỳ thi; năm nay thi hương, ai đỗ được miễn phu phen tạp dịch; sang năm thi ở bộ Lễ, ai đỗ được sung tuyển bổ nghĩa là được bổ chức nhỏ. Sang năm nữa, vào hội thi, ai đỗ được sung Thái học-sinh.

Các sách không thấy chép bốn trường của họ Hồ như thế nào, chỉ thấy trong Khâm định Việt sử chú thích rằng: «Theo Thông-giám tập lãm chép vua Nguyên Nhân-Tông Hoàng-Khánh thứ ba (tức Duyên-Hựu năm đầu 1314) mới định phép thi, cứ tháng tám năm trước. Khắp quân huyện trong thiên hạ cử kẻ hiền năng; tháng hai năm sau thi hội ở kinh đô. Những kẻ trúng tuyển vào dự kỳ thi Đình vua thân ra đầu hài; Đệ nhất trường hỏi hai bài Minh-kinh và Kinh-nghĩ (chỗ ngờ trong kinh sách). Đệ nhị trường thi phú, chiếu, cáo, chương, biểu. Đệ tam trường thi văn sách hỏi về kinh sử và thời vụ».

Có lẽ họ Hồ phỏng theo đấy mà lấy thi ở bộ Lễ là Đệ nhất trường, thi hội ba trường như lối nhà Nguyên thành Đệ nhị, đệ tam, đệ tứ trường. Còn vào chung kết thi viết và tính gọi là đệ ngũ trường.

Lần thay đổi này, các học trò mới thi ở bộ Lễ được đỗ 170 tên, chưa kịp vào thi hội, thì gặp quân nhà Minh sang đánh, việc thi đành phải bỏ dở.

Quý-Ly giàu óc phê phán và có tính thần tự tin, nên không tin về thần quyền và dễ thành nghiêm khắc với tôn giáo. Nhất là khi ấy, đạo Phật ở nước ta sau một thời kỳ cực thịnh, rồi cũng chịu ảnh hưởng của thực trạng rối riêng ngoài xã hội, đã mất hết thể thống, chốn thuyền

môn không còn là nơi tĩnh độ riêng của các bậc chân tu đại-đức, mà hết thảy các trai tráng đều có thể đội lốt nhà chùa để chốn sự làm lụng vất vả để làm những việc phi pháp. Cho nên đối với hạng « chốn việc quan đi ở chùa » ấy, Quý-Ly không kiêng nể gì cả. năm Tân-dậu, Xương-Phù thứ năm (1-81), Quý-Ly sức Đại-nạn thuyền sư đốc xuất toàn thể sư mô trong nước hết thảy từ sơn làm đến đồng bằng phải tạm ra làm lính đi đánh Chiêm-thành.

Năm Bính-tí Quang-Thái thứ chín (1396), Quý-Ly công nhiên thi hành chính sách tẩy uế thuyền môn, hạ chiếu *sa-thải tăng nhân*: các sư mô chưa đầy năm mươi tuổi đều bắt phải hoàn tục về nguyên quán cả. Còn những người trên năm mươi tuổi phải qua một kỳ thi. Những người nào thông kinh sách nhà Phật được trao chức *tăng đường đầu mục*, rồi thứ tự đến chức *tri cung, tri quán, tri tự*, còn ngoại giả đều liệt vào hạng *lu nhân thị giả* để thờ cúng Phật.

Xét toàn thể các công cuộc cải cách trên này, ta thấy Quý-Ly làm việc không được liên tiếp mấy, có lẽ nhà chính trị còn phải để thì giờ lo đánh bại những kẻ phản đối, và mưu việc cướp ngôi. Ta cũng cần phải đi qua vào hai phạm vi hoạt động ấy để có đủ tài liệu tìm đến một kết luận đích đáng về chân giá nền tổ chức kia.

IX

Đàn-áp đối-phương

Hồ Quý-Ly là một tay chính trị rất khôn ngoan, có rất nhiều đức tính hao hao giống những nhà chính trị độc tài ngày nay. Điều mà ta dễ nhận thấy nhất là thủ đoạn đàn áp đối phương. Cũng như các nhà độc tài ngày nay, Quý-Ly coi thắng tay tàn sát khi nào bên phe phản đối có một lực lượng rất lớn, có thể làm lung lay địa vị mình. Còn đối với những cá nhân không lực lượng, không thể gây thành phong trào phản kháng, thì công kích ra mặt hay nói năng quá khích đến đâu, Quý-Ly cũng mặc, chỉ quở trách qua loa thôi. Cái cử chỉ khoan dạ ấy càng chứng tỏ họ Hồ cao hơn, giỏi vượt hẳn một bậc hơn nhiều nhà chính trị trên lịch sử Việt-Nam ta. Cái tài của họ Hồ lại càng được biểu lộ hơn nữa khi ta xét thấy sự đàn áp đối phương thi hành rất nhanh chóng.

Kể ra thì trong suốt ba mươi năm trên trường chính trị, (từ năm Tân-hợi, 1371 đến năm Canh-thìn 1400) Quý-Ly gặp rất nhiều trở lực phản

đối. Trừ ra bọn Nguyễn.Thanh nổi loạn ở Thanh.hóa, xưng Linh Đức.vương, Nguyễn.Kỳ nổi loạn ở Nông-cống, xưng Lỗ-vương, đều là bọn dân đói khổ tụ tập nhau chống với Triều-đình, còn những lực lượng phản đối chống lại Quý-Ly, có thể chia ra làm ba phái chính ở ba thời kỳ khác nhau:

1) *Cuộc âm mưu vì quyền lợi chống lại sự cải cách*, do vua Đế.Nghiễn chủ trương, đại diện cho phái Tông-thất và quyền quý, vào năm Mậu.thìn (Xương.phù thứ mười hai (1388).

2) *Cuộc nổi loạn vì lòn giáo chống sự cải cách*, do nhà sư Phạm Sư-Ôn đại diện cho thuyền môn vào năm Kỷ.tị, Quang-Thái thứ hai (1389).

3) *Cuộc âm mưu vì chủ nghĩa chống kẻ phản bội cướp ngôi* do bọn trung thần Trần Nguyên-Hãng, Trần Khát-Chân đại diện cho phái trung thành với họ Trần, vào năm Kỷ.mão, Kiến-tân thứ hai (1399).

Hồ Quý Ly đã thắng hết mọi cuộc đương đầu ấy và tàn sát đối phương một cách rất nhanh chóng và thảm khốc. Ta thử lần lượt xét qua mọi chi tiết của những phen đối chọi ấy để thêm rộng tài liệu mà phê phán.

I. *Cuộc âm mưu vì quyền lợi, năm Mậu-thìn (1388).*

Tháng tám năm Mậu-thìn, Xương-phù thứ mười hai (1388), nhân có Sao chổi hiện ở phương Tây, vua Đế-Nghiễn (1377-1388), liền mưu cùng với quan thái-úy Thúc-Ngọc, (con Thượng-hoàng Nghệ-Tông, anh họ Đế-Nghiễn. Đế-Nghiễn là con Duệ-Tông) và lũ Ngụ-sử đại-phu Lê Á-Phu, lễ tướng quân Nguyễn-Khoái, Nguyễn Văn-Nghệ, Nguyễn-Khả, Nguyễn Bát-Lạch, Lê-Lộc, học sinh Lưu Thường rằng:

— *Thượng-hoàng yêu dâm ngoại thích mà Quý-Ly còn được tự ý làm gì tài làm. Nếu ta không lo trừ, sau này tất khó chống nổi.*

Mưu bàn không kín, Vương Như-Mai chầu lọt trong cung, đem tiết lộ ra ngoài. Quý-Ly hết sức, liền bàn với hai kẻ giúp việc đắc lực là Nguyễn Đa-Phương và Phạm Cự-Luận. Đa-Phương khuyên Quý-Ly nên lánh ra núi Đại-Lại ở huyện Vĩnh-lộc tỉnh Thanh-hóa, tránh trước để đợi biến sẩy ra: Cự-Luận bác đi:

— Không được! Một khi đã ra ngoài, khó bề mong sống nổi!

Quý-Ly đã cuống, nói:

— Vì bằng không phương kế, ta nên tự tận trước, còn hơn mượn tay người!

Cự-Luận tiếp:

Năm trước nhà vua đã giết Quan-Phục

đại-vương Rác (1), Thượng-hoàng vẫn còn cầm. Nay trụ thạch nhà Nước, chỉ còn trông cậy ở đại nhân, mà nhà vua lại đi nghe lũ tiểu thần, toan bề hại nhau, thì ý tứ nhà vua không biết đâu mà lường được. Thượng-hoàng nghe tin, tất cũng nửa ngờ nửa lạ. Đại-nhân nên vào hầu ngay, nhân tâu bầy lợi hại. Thượng-hoàng bỏ con dựng cháu. Ca dao người ta thường nói: « *Chưa ai bán con nuôi cháu, chỉ thấy bán cháu nuôi con* ». Lấy câu ấy làm động lòng Thượng hoàng, tất sẽ nghe theo. Lúc ấy xin đổi lập Chiêu-Định (2). Thế là đổi vạ làm phúc, dễ như lật bàn tay ! »

Quý-Ly theo kế ấy, liền vào mật tâu với Thượng-hoàng Nghệ-Tông y như vậy. Nghệ-Tông rất lấy làm phải. Mấy hôm sau, Nghệ-Tông nói thác là sắp tuần du ra chơi ngoài An-sinh (ở Đông-triều Hải-dương) sai nội-thị vời vua Đế-Nghiễn vào. Đế-Nghiễn đến Nghệ-Tông truyền :

— Đại-vương đã lại, lập tức dẫn ra giam ở chùa Tư-Phúc !

Và liền ban xuống tờ chiếu rằng :

Trước kia Duệ-Tông đi đánh miền nam không về ! dùng con cả nối ngôi là theo đạo xưa vậy

---

(1) Con Thượng-hoàng Nghệ-Tông.

(2) Tên là Ngang, con Nghệ-Tông.

Nhưng quan-gia (1) từ khi lên ngôi đến giờ, chưa hết tính trẻ con, giữ đức không thường, thân với lũ tiểu-thần Lê A-Phu, Lê Dữ Nghị, ưu hãm công thần, làm lụng lay xã-tắc, nên giáng xuống làm Linh-Đức đại-vương. Ma nước nhà không thể để không vua, ngai vàng không thể để trống lâu. Vậy nên rước Chiêu-Định-Vương-Ngung vào nối mối lớn! Bà cáo trong ngoài đều cho nghe biết.

昨者[illegible]南徒不返，用嫡爲嗣，古之道也。請官家踐位以來，童心未父，秉德不常。[illegible]等，圖陷功臣，扇[illegible]大王，國家不可以無主，[illegible]不可以久虛，可迎昭定王顒入繼大統，[illegible]中外，咸使聞知。

Lúc giải vua Đế-Nghiễn đi, Thiết-Liêm tướng-quân là Nguyễn-Khoái, Nguyễn Vân-Nghê, Thiết-giáp tướng-quân là Nguyễn-Khá, Lê-Lặc, Thiết-sang tướng-quân là Nguyễn Bạt-Sách, muốn đem quân vào cướp vua ra, nhưng vua viết hai chữ: « *giải giáp* » và khuyên mọi người rằng:

Chớ nên trái ý phụ-hoàng!

Mọi người đánh thôi. Một lúc sau, có người ôm vua Đế-Nghiễn xuống phủ Thái-dương, thắt

(1) Đời Trần, xưng hô vua là quan-gia.

cỡ chết. Cả bọn Lê Á-Phu, Nguyễn-Khoái, Nguyễn Văn-Nghệ, Lưu-Thường đều bị giết chết. Duy có Lê Đữ-Nghị là anh họ Lê Á-Phu phải đày ra ngoài biên-ải. Lúc bị bành binh, học sinh Lưu-Thường còn đánh dấu cuộc âm mưu lại bằng bài thơ tuyệt mạnh rất khẳng khái này:

Tàn-niên tứ thập hữu dư tam,
Trung-nghĩa phùng chu tử chính cam!
Bão nghĩa sinh tiền ưng bất phụ,
Bộc thi nguyên thượng cánh hà tàm!

殘年四十有餘三,
忠義逢誅死正甘!
抱義生前應不負,
暴屍原上更何慚.

Tạm dịch là:

Tuổi tàn vừa đúng bốn mươi ba,
Bị giết vì trung, chết cũng là!
Ôm nghĩa trọn đời lòng chẳng phụ,
Phơi thây nội cỏ thẹn gì ta!

Cuộc âm mưu này thất bại, bao nhiêu những kẻ bị phạm đến quyền lợi, nhất là các tông-thất, có dự mưu như Trần Nguyên-Diệu, (em ruột Đế-Nghiễn), Trần Nguyên-Đĩnh (con anh ruột Nghệ-Tông là Cung Tĩnh-Vương Nguyễn-Trác), và Thiếu-Bảo Trần-Tôn (nguyên viện-trưởng Lạc-Khu thư-viện ở cung Bảo-hà (trên núi Phật-

tỉnh Bắc-ninh) đều bỏ chạy sang không với Chiêm thành, đem quân phạm Hoàng-giang. Đô-thống Trần Khát-Chân đánh tan quân Chiêm, giết phó Phạm Như-Lặc, Đầu-Ngũ Dương-Nhương giết Nguyên-Diệu đem đầu dâng công. Quân Chiêm lui, Quý Ly ba chiếu bắt Nguyên-Đán, Trần-Tôn, hai người đều đâm đầu xuống hồ tự tử. Người trong đảng là Trần-Khang chạy sang qung Lão-Quá (nay thuộc Luông Prabang) và về giữ một vai trò quan trọng trong việc dẫn đường cho người Minh sang nước ta sau này.

Thế là Quý-Ly đã trừ hết vây cánh bọn âm mưu. Còn đối với Trang-định-vương Thúc-Ngạc, con Nghệ-Tông, cũng có dự mưu, Quý-Ly trong trị bằng một chính sách khôn khéo hơn; trước hết, khi Đế-Nghiễn vừa bị bỏ, Quý-Ly giả cách nói lập Thúc-Ngạc nối ngôi, Thúc-Ngạc cố từ, không nhận, Quý Ly nhân nói với Thượng hoàng Nghệ-Tông rằng:

Quan Thái-úy (tức Thúc Ngạc) từ ngôi lớn không dám nhận, là người có đức lớn, xin gia phong cho xứng đức.

Nghệ-Tông cho là phải, liền phong Thúc-Ngạc làm Trang-Định đại-vương.

Thúc Ngạc biết chuyện, có ý căm giận Quý-Ly, lại thường bị Quý-Ly nói dèm, nên trong lòng lo sợ không yên, bỏ trốn ra Vạn-Ninh (nay là

Hải-ninh Moncáy) Quý-Ly liền tâu với Nghệ-Tông. Nghệ-Tông sai Ninh-Vệ tướng-quân Nguyễn Nhân-Liệt đuổi theo triệu về. Quý-Ly ngầm bắt Nhân-Liệt đánh chết Ngạc, rồi về tâu là Ngạc kháng cự mạnh vua, đánh sứ giả, bị chúng giết chết. Nghệ-Tông giận truy giáng Ngạc xuống làm Mẫn-vương.

Thế là cuộc âm-mưu vì quyền lợi chống Quý-Ly đã hoàn toàn thất-bại ngay từ ban đầu, bởi vì nó không có sức hậu-thuẫn ở dân-chúng. Tuy về sau, cũng có mấy người âm-mưu lẻ-tẻ nữa nhưng cô-thế và không tổ chức đều bị Quý-Ly bóp bẹp ngay từ trong trứng, như việc Trần Nhật-Chương bị giết năm Nhâm-thân (1392) Trần Nguyên-Uyên Nguyên-Dạn bị đổi là họ Mai và giết năm Ất-hợi (1394) cùng với Nguyễn-Phù.

II. — *Cuộc nổi loạn vì Tôn-giáo năm Kỷ-tỵ* (1389)

Từ khi Quý-Ly lên cầm-quyền, phái nhà chùa bị bạc đãi lắm. Năm Tân-dậu (1381) tất cả các sư mô phải ra tòng quân đánh giặc Chiêm. Năm Ất-sửu (1385) hai mươi vị-sư phải cử làm Cống-phẩm để đem sang cống vua Thái-Tổ nhà Minh bên Tầu. Do sự khinh rẻ và phạm vào quyền-lợi tôn giáo như vậy, các nhà sư liền vùng dạy chống lại với sự cải cách của nhà chính-trị độc tài, dưới quyền dẫn-đạo của nhà sư nhiều pháp thuật Phạm Sư-Ôn. Tháng mười hai, năm Kỷ-

(y, hiệu Quang-Thái thứ hai, Phạm Sư-Ôn tụ quân ở Quốc-Oai (nay là Sơn-tây), tiếm xưng hoàng-đế lấy Nguyễn-Mại, Nguyễn-Khả-Hành làm Hành-khiển (tức như tể-tướng). chiêu tập những quân vô-lại được vài ven, chia làm mấy vệ quân Thần-kỵ, Dũng-đấu, Vô-hạn, rồi đem quân thẳng tiến phạm Kinh-đô. Hai vua Nghệ-Tông và Thuận-Tông phải chạy lánh sang Bắc-giang. Sư-Ôn ở Kinh-đô ba ngày, sau kéo quân ra đóng đồn ở Nộn-châu thuộc Quốc-oai. Tình thế Chính-phủ lúc ấy rất nguy-ngập. Ở miền Nam thì quân Chiêm đánh Hoàng-Giang, gần sát Kinh đô, Đô-tướng Trần Khát-Chân đang phải dốc xuất toàn lực ra đuổi giặc. Quý-Ly phải tâu xin cử Tả Thánh-Dực tướng-quân Hoàng Phụng-Thế đem quân về đánh Sư-Ôn. Khi ấy, Hoàng Phụng-Thế đang cầm cự với tướng Chiêm La-Khải ở Hoàng-giang, nhận được lệnh, liền do sông Miệt-giang (nối sông Hoàng-giang vào sông Hát) tiến quân lên. Về mùa đông nước sông cạn, Phụng-Thế bắt khai thông sông cho chiến thuyền vượt lên đánh úp vào trại giặc. Giặc xuất kỳ bất ý bị đánh vỡ tan Phụng-Thế bắt được lũ Sư-Ôn, Nguyễn Mại, Nguyễn Khả-Hành đem về giết cả.

Cuộc nổi loạn này thất bại đã làm tan hết oai-quyền còn sót lại của nhà chùa đối với dân chúng và nhà đương-đạo. Từ đấy các nhà tu-

hành chỉ là một bọn lười biếng vô-ích. Triều-đình muốn để thì để mà muốn thải lúc nào cũng được.

III. — *Cuộc âm-mưu vì Chủ-nghĩa năm Kỷ-mão* (1399).

Thượng-hoàng Nghệ-Tông mất rồi (năm Giáp-tuất 1394) Quý-Ly nắm cả quyền-hành, lập kinh đô mới ở Thanh-hóa (năm Đinh-sửu 1397) gọi là Tây-đô; cuối năm bắt vua Thuận-Tông rời đó vào Tây-đô. Năm sau, Quý-Ly lại bắt vua truyền ngôi cho Thái-tử Án mới lên ba tuổi. Mọi hành-động ấy đã tố cáo rõ cái mưu gian Quý-Ly muốn cướp ngôi và làm thất vọng tất cả những người có tâm-huyết bấy lâu nay vẫn một lòng tán thành và giúp sức vào công cuộc cải cách của Quý-Ly. Họ là những văn-thần võ-tướng cao cấp, có công-tâm, muốn cho nước thịnh dân giàu. Nhưng vốn một lòng trung-nghĩa, họ không thể dung-tha một kẻ làm chính-trị vì tư lợi mà tận sát những kẻ vô tội, nên họ phải hợp sức lại bàn mưu khu trừ. Muộn lắm rồi. Song lâm vào trường hợp cấp-bách, họ vẫn phải hành-động. Đến khi Quý-Ly giết Thượng hoàng Thuận-Tông, (tháng tư năm Kỷ-mão) thì họ không còn thể trì hoãn nữa. Dưới quyền chỉ-huy của Thái-bảo Trần Nguyễn-Lãng, và Thượng-tướng Trần Khát-Chân, vị anh-hùng đã giết được Chế Bồng-Nga, bọn âm-mưu

định đến ngày hội thề ở Đốn-sơn (1) là cử-sự. Năm ấy, như chương trình đã định, Quý-Ly thân ra hội thề. Trước hết Quý-Ly lên lầu gác nhà Trần Khát-Chân xem đàn thề, nghi-vệ cực kỳ tôn-nghiêm như Vua ngự chơi vậy. Phạm Tổ-Du với thích-khách là Phạm Ngưu-Tất mang kiếm chực tiến theo lên lầu. Khát-Chân chừng mắt trông, hai người thành không dám quyết. Quý-Ly chột dạ liền đứng dậy, có bọn vệ-sĩ ủng hộ xuống lầu. Ngưu-Tất quăng kiếm xuống đất nói rít lên rằng:

— Thôi! Việc hỏng rồi! Cả lũ thành chết uổng mạng!

Việc vỡ lở, Quý-Ly liền hạ lệnh bắt giết ngay Thái-Bảo Trần Nguyên-Hãng, Trụ-quốc Trần Nhật-Đôn, Thượng-tướng Võ-tiết hầu Trần Khát-Chân, Thánh dực Tướng-quân Phạm Khả-Vinh, Thượng-thư Hà Bác-Lân, Hành-Khiển Lương Nguyên-Bưu, Bảng-nhỡn Lê Hiến-Phủ cùng với lũ Phạm Ông-Thiệu, Phạm Tổ-Du, Phạm Ngưu-Tất. Gồm hơn ba trăm bảy mươi người. Gia sản các người này đều bị tịch thu. Quý-Ly còn cho truy bắt dư-đảng liên-miên hàng năm không thôi, đến nỗi ngoài đường, người qua lại chỉ

(1) Đốn-sơn nay thuộc làng Cao-mật, huyện Vĩnh-lộc tỉnh Thanh-hóa, vì kinh-đô ở Thanh-hóa nên hội thề ở đấy.

đưa mắt chào nhau, không dám đứng nói truyện. Và Hồ Hội-Thề cũng bỏ từ đấy.

Dập tắt được cuộc âm-mưu này, Quý-Ly hoàn-toàn đắc thắng trên non sông Nam-Việt mà ung-dung chuyển chiếc ngai vàng về nhà mình.

Trên đây là lược kể ba cuộc phản đối to-tát có tổ chức hẳn-hoi, mà Quý-Ly đã đàn áp đi được rất nhanh chóng. Ngoài ra Quý-Ly còn thi hành chính sách tàn sát đối với mấy người sau này :

Tháng mười một năm Kỷ-tỵ (1389) Quý-Ly giết người cùng đảng với mình là Nguyễn Đa-Phương. Nguyên năm ấy Đa-Phương theo Quý-Ly đi đánh quân ở Chiêm Thanh-hóa thua phải bỏ về, tự nhận là có công giữ toàn quân và chê Quý-Ly bất tài. Quý-Ly bèn tâu Nghệ-Tông là vì Đa-Phương đến nỗi thua, xin thu quân của Đa-Phương. Đa-Phương vẫn còn có ý kiêu. Thượng-hoàng Nghệ-Tông phán :

— Để gộp các tội nhỏ lại rồi trừng giới nó !

Quý-Ly thưa :

— Đa-Phương dũng kiện, sợ rồi bèn bắc đi sang Tàu, hay bèn nam đi theo Chiêm, Thả hổ để mang lấy cái lo, không bằng giết đi hơn.

Bèn giết Đa-Phương.

Năm Tân-mùi (1391) tháng tám, Quý-Ly giết chủ tượng Hóa châu là Phan-Mãnh và Chu Bình-

Khuê. Hai tướng này ở Hóa Châu thấy Quý-Ly uy quyền mỗi ngày một lấn át, có họp mọi tướng lên bàn luận, Phan-Mãnh nói :

— Giời không hai mặt giời, nước không nên hai vua !

Chu Tỉnh-Khuê tiếp thêm :

— Dương-liễu lắm nhời, dân chúng đều ngậm miệng !

Đặng-Tất và Hoàng Hối-Khanh ngầm đưa thư cho Quý-Ly. Quý-Ly liền giết hai người kia và cho Đặng-Tất làm Châu-Phán giữ việc Hóa-châu, Hoàng Hối-Khanh làm Chỉnh binh viện đại phu.

Còn đối với những cá-nhân không có lực-lượng gì, Quý-Ly tỏ ra người rất có độ-lượng khoan-dung, không cần trị tội họ. Đại-để như mấy việc này :

Năm Nhâm-thân, Quang-Thái thứ năm (1392), Tháng Tư, đại hạn, nhà vua hạ chiếu cầu nhời nói thẳng. Bùi Mộng-Hoa dâng thư đại lược nói rằng :

« Tôi nghe đồng-dao hát : « Thâm thay Lê. Sư ! » Cứ xem thế Quý-Ly tất có ý dòm ngó ngai vàng »

Thượng-hoàng Nghệ-Tông xem thư rồi đưa bảo Quý-Ly. Quý-Ly không hề trị tội và hậu thù Mộng-Hoa.

Năm Đinh-sửu, (1397) Quý-Ly sai Lại-bộ Thượng-thư Đỗ-Tỉnh vào Thanh-hóa xây dựng

đô mới, Khu-mật Chủ-sự Thị-sử là Nguyễn Như-Thuyết dâng thư can rằng :

« Trước kia nhà Chu nhà Ngụy rời đô, đều gặp sự chẳng lành. Nay đất Long-đỗ ở vào giữa núi Tản-viên, sông Nhị Hà, cao sâu rộng phẳng, tự cổ đế vương mở nền dựng nước, không ai là không lấy đất này làm căn bản. Người Nguyên bị giết, giặc Chiêm gửi đầu. Không phải địa thế tiện lợi sao được như thế. Xin lượng trên nghĩ lại một chút, để làm kế nước nhà yên như bàn thạch. Còn An-Tôn thì cảnh giới hẹp hòi, cuối nước đầu non, được lúc loạn mà không được lúc trị. Nếu chỉ cậy hiểm, thì cổ-ngữ đã nói : « *tại đức chứ không tại hiểm.* »

昔有周魏遷都.皆見不祥.今龍肚之地.
卓匿之山.珥河之水.高深平闊.自古帝王
開基立國.莫不以爲根本之地.元人伏誅.
占城授首.孰非地勢便利有以制之.願少
思之.以爲國家盤石之計.安採境界狹僻.
水尾山頭.得其亂不得其治.徒爲特險.古
語云.在德不在險.

Dịch âm : *Tích giả Chu Ngụy thiên đô, giai kiến bất tường. Kim Long-đỗ chi địa, Tản viên chi sơn, Nhị-hà chi thủy, Cao thâm bình khoát. Tự cổ đế vương khai cơ lập quốc, mạc bất dĩ vi căn bản chi địa. Nguyên nhung phục tru, Chiêm*

khẩu thụ thủ, thực phi địa thế chi lợi hữu dĩ chi chi. Nguyện thiếu tư chi, dĩ vi quốc gia bàn thạch chi kế. Ân. Tôn cảnh giới hiệp tích, thủy vĩ sơn đầu. Bắc kỳ loạn, bất đắc kỳ trị. Đồ vi thị hiểm; Cổ-ngữ vân: « tại đức bất tại hiểm».)

Bức thư ấy dâng lên, Quý-Ly không nghe. Sau đến kỳ *Khảo-tích* xét công việc các quan để thăng chức, thấy tên Nguyễn Nhữ-Thuyết, Quý-Ly nói : « Cái anh nói tại đức chứ không tại hiểm đây ! » Rồi bỏ không dùng.

Tháng sáu năm Kỷ-mão (1399) sau khi đã trừ bỏ được bọn âm mưu Trần Khát-Chân, Quý-Ly tự xưng là *Quốc Tổ Chương-hoàng*, ở cung Nhân thọ, mặc áo sắc bồ-hoàng (vàng tươi) ra vào đi 12 lọng vàng như nghi vệ hoàng-đế. Tháng bảy. Nguyễn Dụng-Phủ, người Hoằng-hóa Thanh-hóa dâng thư lên hỏi rằng :

« *Chương hoàng là hiệu gì ? Bồ hoàng là sắc gì ? Còn đối với việc đức Tiên-đế cố thác thì sao ?*»

章皇何號？蒲黃何色？乘光帝願託何？

« (Chương hoàng hà hiệu ? Bồ hoàng hà sắc ?
« Nại tiên đế cố thác hà ?) »

Quý-Ly được thư giận lắm, bắt giam Dụng-Phủ vài hôm rồi lại tha.

●

Kẻ công-cuộc bài trừ đối phương như thế thật khôn khéo và danh thép lắm. Không phải là bậc đại tài, không thể thi-hành được.

Cướp ngôi

Hồ Quý-Ly bước vào trường chính trị với sự cải cách tất cả. Nhưng một khi đã thi hành ít nhiều sự thay đổi thích hợp với lòng dân mong mỏi, được đại đa số ủng hộ rồi và nắm được toàn quyền rồi, Quý-Ly liền nghĩ ngay đến cách cướp ngôi vua, tranh lấy cái ngai vàng làm chúa tể thiên hạ. Công việc này khó khăn, nguy hiểm gấp mấy công việc cải cách, và cần nhiều khôn ngoan, tài bao hơn nhiều. Tuy nhiên, những việc đã làm như thế, mặc dầu người chủ mưu khôn ngoan kín đáo đến đâu, bao giờ cũng phải lộ hình tích. Nên sau khi Quý-Ly đã đặt những người họ hàng và vây cánh vào mọi địa vị trọng yếu, đến Thượng-hoàng Nghệ-Tông là người trước sau vẫn một lòng tin dùng Quý-Ly, cũng phải đem lòng ngờ. Rồi một đêm tháng hai năm Giáp-tuất, Quang-Thái thứ bảy (1394) Thượng-hoàng mơ nghe thấy một người (1) đọc bài thơ này :

(1) Trong sử chép là mơ thấy Duệ-Tông đọc thơ. Theo ý chúng tôi, có lẽ do một kẻ vô danh trong phái phản đối lẻn vào cung đọc bài thơ ấy để cảnh cáo Nghệ-Tông.

Trung gian dư hữu Xích-quỷ hầu,
Ấn cần tiềm thượng Bạch-kê lâu,
Khẩu vương dĩ định hưng vong sự,
Bất tại tiền đầu, tại hậu đầu.

中 間 猶 有 赤 鬼 侯
暗 勤 潛 上 白 鷄 樓
口 王 已 定 興 亡 事,
不 在 前 頭 在 後 頭.

Tỉnh ra, triết tự xem, càng biết Quý-Ly tất cướp ngôi. Vì Xích-chủy chỉ Quý-Ly, Bạch-kê chỉ Thượng-hoàng Nghệ-Tông, (Nghệ-Tông đẻ năm Tân-dậu, tuổi Gà), chữ khẩu 口 với chữ vương 王 thành chữ 国. Ý bài thơ nói hiện thời chỉ còn có Quý-Ly, ăn cần lắm cả Nghệ-Tông. Việc hưng vong đã định về sau càng rõ. Nghệ-Tông biết vậy, càng lấy làm lo, nhưng thế lực đã vững vàng rồi, khó bề chống nổi, liền sai thợ vẽ, vẽ bức tranh *Tử phụ*, Chu-Công giúp Thành-Vương, Hoắc-Quang giúp Chiêu-Đế, Gia Cát-Lượng giúp Hậu-Chúa, Tô Hiến-Thành giúp Cao-Tông, cho Quý-Ly và dặn rằng:

— Khanh cũng nên giúp *quan gia* như thế!

Đến tháng tư, lễ hội thề xong, Nghệ-Tông nhân tiện với Quý Ly vào cung phán rằng:

— Bình-Chương là chỗ họ thân. Phàm việc lớn nước nhà, đều ủy cho khanh cả. Nay thế nước đang suy nhược, trẫm lại già yếu rồi,

trăm qua đời rồi, thì quan gia có thể giáp được thì khanh giúp; bằng tầm thường ngu tối, thì khanh tự làm lấy!

Quý-Ly liền cởi mũ, dập đầu khóc tạ, chỉ lên giời thề rằng:

— Hạ thần không hết lòng hết sức giúp nhà vua thì giời tru đất diệt! Và ngày trước Linh-đức vương (tức Đế-Nghiễn) có lòng làm hại, không nhờ uy linh Bệ-hạ, thì thần đã ngậm cười dưới đất, còn đâu được đến ngày nay. Dẫu nát thịt tan xương cũng chưa thể báo đền vạn nhất. Dám đâu có ý gì khác. Xin Bệ-hạ soi xét lòng thần như thế, và chớ quá lo xa vậy.

Quý-Ly nói thế cốt để yên lòng vị vua già sắp hả miệng tỗ. Đến tháng chạp năm ấy Nghệ-Tông mất, thọ 74 tuổi.

Muốn dễ bề thoán đạt, Quý-Ly định dời đô vào An-tôn Thanh-hóa. Tháng giêng năm Đinh-sửu Quang-Thái thứ mười (1397) Quý-Ly sai Lại-bộ Thượng-thư Đỗ-Tỉnh vào Thanh-hóa đo đạc, đắp thành đào ao, lập miếu xã, mở mang phố xá. Đến tháng mười năm ấy, nhân vua Thuận-Tông đi yết lăng ở An-sinh (Đông-triều), Quý-Ly liền bắt ngự giá tiến thẳng vào sông Đại-lại, lên kinh-đô mới. Hai cung nữ là Trần Ngọc-Cơ, Trần Ngọc-Kiệm mật tâu với Thuận-Tông rằng thiên đô tất rồi có việc thoán đạt. Quý-Ly biết tin, liền giết hai cung nữ và bắt

giết cả hai người ngờ đồng mưu là Miễu-Lệnh Lê-Hợp và Lương-Ông phụ đạo huyện Cổ-lãng. Quý-Ly lại sai Hành-Khiển Lương Nguyên-Hưu đốc xuất rỡ những điện Thụy-chương, Thiên-an, bắt dân các hạt Từ-liêm, Nam-sách vận tải gạch ngói gỗ lạt và Tây-đô.

Thiên đô vào Thanh-hóa rồi, Quý-Ly muốn cướp ngôi ngay, nhưng nghiệp dĩ đã thề với Nghệ-Tông, liền nghĩ ra một cách: lợi dụng tên đạo sĩ Nguyễn-Khánh vào cung thuyết vua Thuận-Tông rằng:

— Cảnh tiên u nhã, khác hẳn phàm trần. Liệt thánh bản triều chỉ mới tôn thờ đạo Phật, chưa có ngài nào theo chơi với các vị chân tiên. Nay Bệ-hạ tôn quý ở ngôi cửu ngũ, mà khó nhọc vì muôn nghìn việc. Chi bằng truyền ngôi cho Đông-cung, rồi đi tu tiên là hơn.

Vua Thuận-Tông nghe theo. Quý-Ly liền dựng cung Bảo-thanh ở tây nam núi Đại-lại, rước vua ra ở đấy. Tháng ba năm Mậu-dần (1398), ban ra tờ chiếu nhường ngôi đại lược rằng:

« *Trẫm sớm hâm mộ trận gió huyền, chứ không có lòng ở chốn nhà vàng, đức bạc mà giữ ngôi cao, khó lòng kham nổi. Huống chi bệnh tim thường cứ luôn luôn, có phương hại đến lòng xã tắc và chính trị. Lời thề buổi trước,*

Giời Đất quỷ thần đều đã nghe cả, nên nay nhường ngôi, để lâu dài nền lớn. Hoàng-thái-tử Ân lên ngôi vua. Có Phụ-chính Thái-sư Lê Quý-Ly lấy địa vị Quốc-tổ nhiếp chính. Trẫm tự làm Thái-thượng Nguyên quân Hoàng-đế, ăn chay ở cung Bảo-thanh, cho thỏa lời nguyền thủa trước.»

Nguyên văn chữ Hán :

朕早慕玄風.非心黃屋.否德忝位實難克堪.況心疾時作.宗祧時政皆妨.誓旨在初.天地鬼神之已聽.今當禪位.以永丕基.皇太子案可卽帝位.輔政太師黎季釐以圖祖攝政.朕自爲太上元君皇帝.養素葆清宮.以諧夙願.

« Trẫm tạo mộ huyền phong, phi tâm hoàng « ốc, bĩ đức thiểm vị, thực nan khắc kham. « Huống tâm tật thời tác, tôn điêu, thời chính « giai phương. Thệ ngôn tại sơ, thiên địa quỷ « thần chi dĩ thính. Kim đương thiện vị, rĩ vĩnh « phi cơ. Hoàng Thái-tử Ân khả tức đế vị. Phụ- « chính Thái-sư Lê Quý-Ly rĩ Quốc-tổ nhiếp « chính. Trẫm tự vi Thái-thượng Nguyên quân « Hoàng-đế, dưỡng tố Bảo-thanh cung, rĩ hài « túc nguyện. »

Khi ấy Thái-tử mới ba tuổi, nhận truyền ngôi, chưa biết lậy, Quý-Ly bắt Thái-hậu lậy

trước, Thái-tử bắt chước lậy theo. Xong lễ truyền ngôi, Quý-Ly tư xưng là Khâm đức Hưng Liệt đại vương, mọi giấy tờ yết bảng đều là *Trung thư Thượng thư sảnh, Phụng Nhiếp chính cai giáo hoàng đế thánh chỉ.* Ngày hôm ấy lên ngự khánh thành điện ở kinh-đô mới, đãi yến các quan từ ngũ phẩm giở lên. Lại cho phép con giai con gái vui chơi ở cửa Nam thành suốt ngày đêm để mừng lễ đăng quang.

Thuận-Tông đã truyền ngôi rồi, cũng không ở cung Bảo-thanh nữa, rời ra ở Ngọc-thanh quan (nay thuộc làng Đạm-thủy huyện Đông-triều, Hải-dương). Tháng tư năm sau, Ất-mão (1399), Quý-Ly mật sai Nội-tẩm học sinh là Nguyễn-Cẩn đi theo ra hầu. Thuận-Tông hỏi :

— Mày ra chầu ta ý muốn làm gì ?

Nguyễn-Cẩn không nỡ nói rõ và cũng không nỡ thi hành thủ đoạn. Quý-Ly biết, đưa thư cho Nguyễn-Cẩn rằng :

« Nguyên-quân không chết, mày phải chết thay ! »

Nguyễn-Cẩn vội dâng thuốc độc. Thuận-Tông uống không chết, lại dâng nước dừa cho đoạn thực cũng không chết ! Quý-Ly bèn sai xa-kỵ thượng tướng quân Phạm Khả-Vĩnh đến thắt cổ Thuận-Tông. (Nên chú ý chính Phạm Khả-Vĩnh này bị rơi đầu liền trong tháng ấy, vì dự vào

cuộc âm mưu giết Quý-Ly ở hội thề Bồn-sơn, như chương trên đã thuật rõ.)

Năm sau Canh-thìn, Kiến-Tân thứ ba (1400) nơi Tuiệu-đế Ân, tháng hai, Quý-Ly bỏ Thiếu-đế xuống làm Bảo-Ninh đại vương, và tự xưng làm vua. Thiếu-đế là cháu ngoại Quý-Ly nên không bị giết. Trước khi chiếm lấy ngai vàng, Quý-Ly còn giữ đủ hình thức để cho mắt thế gian và đời sau. Quý-Ly bắt Thiếu-Đế tự ý truyền ngôi. Rồi quần thần dâng biểu xin tấn tôn. Quý-Ly giả vờ từ rằng:

— Sắp chết xuống đất rồi, còn mặt mũi nào trông thấy Tiên-đế ở dưới đất?

Ba lần dâng biểu lên, Quý-Ly mới tự tôn làm vua, đổi niên hiệu là *Thánh-Nguyên*, đổi lại họ chính là Hồ (trước vẫn giữ theo họ Lê), đổi tên nước là Đại-Ngu, lấy cớ họ Hồ là dòng dõi vua Ngu-Thuấn ngày trước.

Cuối năm ấy Quý-Ly truyền ngôi cho con là Hồ Hán-Thương, tự xưng là Thái-thượng hoàng cùng giữ chính. Hán-Thương lập vợ họ Trần làm Hoàng-hậu, lấy năm sau Tân-tị (1401), làm năm đầu niên hiệu Thiệu-Thành. Tuy nhiên mọi việc vẫn do Thái-thượng hoàng Quý-Ly tài quyết.

Hán-Thương nguyên là con thứ Quý-Ly, em Hồ Nguyên-Trừng. Mẹ Hán-Thương là Huy-Ninh

công chúa, con gái Trần Minh.Tông, em gái Nghệ-Tông và là vợ góa Trần Nhân.Vinh. Quý. Ly yêu Hán-Thương lắm muốn lập thay mình, nhưng còn sợ Nguyên.Trừng chưa dám quyết, bèn lấy cái nghiên đá ra câu đối cho Trừng rằng :

« Thử nhất quyền kỳ thạch, hữu thời vi vân « vi vũ rĩ nhuận sinh dân ».

此一拳奇石. 有時爲雲爲雨以潤生民.

(*Một nắm đá lạ này, có lúc làm mây làm mưa đem tưới sinh dân*).

Nguyên.Trừng ứng khẩu đối ngay :

« Giá tam thốn tiều tùng, tha nhật tác đống. « tác lương, rĩ phù xã tắc ».

這三寸小松. 他日作棟作樑以扶社稷.

(*Ba tấc gỗ thông ấy, ngày sau làm cột làm xà, để phò xã tắc*).

Quý.Ly bèn lập Hàn.Thương và cử Nguyên-Trừng làm Tả tướng quốc.

Thế là cái ngôi báu thiêng liêng của nhà Trần nay đã là gia bảo riêng của họ Hồ, cha vội truyền cho con để mong giữ lấy lâu dài.

Như vậy, Quý-Ly đã hoàn toàn thắng thế cả từ ngoài hình thức đến bên trong ý thức. Nhưng mà lại cũng là bước đầu lên đường thất bại vậy.

XI

Thất-bại

Quý-Ly đã truyền ngôi cho con là Hán-Thương. Lên làm vua, việc đầu tiên của Hán-Thương là sai Sứ sang nói dối với nhà Minh là dòng dõi họ Trần đã hết, xin lấy địa vị cháu ngoại quyền giữ mọi việc trong nước.

Năm Quý-mùi, Khai.Đại năm đầu (1403), nhân dịp Minh Thanh-Tổ lên ngôi, Hán.Thương lại sai Sứ sang mừng và xin phong tước một thể. Thành.Tổ sai Dương-Bột đem sắc dụ sang hỏi Bồi-Thần và phụ-lão xem con cháu họ Trần còn không và Hán-Thương thực hay giả, đều phải tâu thực. Quý.Ly bèn bắt mọi quan viên phụ lão làm một tờ trạng nói y như lời Hán-Thương sai Sứ sang nói trước kia, rồi sai đoàn sứ-bộ nữa đi theo để về Tàu. Vua Thành-Tổ không còn cớ gì từ chối nữa, phải phong Hán.Thương làm *An.Nam quốc.vương*, tức là phải công.nhận Hán.Thương làm vua nước Nam.

Năm Giáp.thân (1404) tháng hai, Sứ nhà Minh sang trách hỏi về việc Chiêm-thành tâu trình

họ Hồ lấn đất và đòi cống voi. Nguyên năm trước Hán-Thương sai Phạm Nguyên-Khôi Đỗ. Mãn đánh Chiêm. Chúa Chiêm dâng hai thớt voi để cầu hoãn binh, rồi lại đi tâu gian với nhà Minh. Hán-Thương phải khiển Phan Hòa. Phủ đem hai thớt voi của người Chiêm dâng sang cống vua Tầu. Một mặt cha con họ Hồ chỉnh đốn lại võ-bị và đóng chiến thuyền để phòng đánh nhau với quân nhà Minh.

Cùng năm ấy, gia-nô nhà Trần Nguyên-Huy là Trần-Khang, trước kia vào đảng với Thiếu. Hảo Trần-Tôn (xem chương IX) chạy trốn sang Lão-quá, rồi do đường Vân-Nam lên Yên-Kinh, đổi tên là Trần Thiên-Bình, trá xưng là con Nghệ-Tông, đến tố-cáo việc Hán-Thương tiếm nghịch và đổi trá. Vua Minh liền sai Ngự sử Lý-Kỳ sang điều-tra. Lý-Kỳ qua cửa quan, rà dọi giục bọn bạn tống phải đi gấp đường không kể ngày đêm. Kịp đến Sứ-quan, xem xét mọi hình thế rồi về. Quý-Ly sợ việc tiết lộ khiến người đuổi theo bắt giết đi. Nhưng đuổi đến Lạng-sơn thì Kỳ đã vượt quá ngoài cõi rồi. Lý-Kỳ về, tâu rõ tình gian của Hán-Thương với vua Thành-Tổ.

Tháng hai năm Ất-dậu, Khai-Đại thứ ba (1405) nhà Minh sai Sứ sang đòi giả đất. Nguyên trước kia, thổ-quan Tư-Minh là Hoàng Quảng-Thành tâu với vua Minh Lộc-châu ở bên An-Nam là đất cũ của Tư-Minh. Nhà Minh đã sai Sứ sang

du phải giả lại. Quý.Ly không nghe. Đến nay lại cử Sứ sang đòi. Hán-Thương cử Hoàng Hối-Khanh làm *Sứ.giả cắt đất*, đi hội.nghị với Sứ nhà Minh. Hối.Khanh cắt đất Cổ-lâu (1) tất cả chín mươi nhăm thôn giả lại người Tầu. Hối-Khanh về Kinh bị Quý.Ly trách là đã giả lại nhiều quá. Quý.Ly lại sai thổ.dân ở đấy đánh thuốc độc giết các quan nhà Minh cử ra cai-trị đất mới ấy.

Tháng bảy năm ấy, nhà Minh sai lễ hoạn.giả Nguyễn-Toán sang. Nguyễn-Toán cùng với cả bọn là Nguyễn.Đạo, Từ.Cá, Ngô.Tiu đều là người Việt.Nam những nấu bếp giỏi được Nghệ-Tông cử làm cống.phẩm sang cống vua Thái.Tổ nhà Minh. Nay Thành-Tổ thấy lễ này am-tường núi sông trong nước, nên cho về để dò xét tình thế.

Tháng chín, Hán-Thương khiến Tả Ty Lang-trung là Phạm-Cảnh, Thống-phán Lưu Quang-Đình sang Tầu cống tạ. Nhà Minh giữ Phạm-Cảnh lại, chỉ cho Lưu Quang-Đình về.

Công việc ngoại-giao không được xong xuôi, Hán-Thương vội vàng triệu tập tất cả các quan An phủ sứ các lộ về Kinh cùng với các quan ở Kinh hội-họp bàn kế nên hòa hay nên đánh. Đây là cuộc hội.nghị đầu tiên các quan lại cao

(1) Theo lời chú trong Khâm-định Việt-sử, Cổ lâu nay thuộc châu Tây-long huyện Tây-lâm, tỉnh Quảng tây

cấp toàn quốc trên lịch-sử Việt-Nam. Hội-nghị họp bàn không thiên hẳn về mặt nào. Có người đứng lên xin đánh lấy cớ là : Chớ để về sau phải lo. Trấn-phủ sứ Bắc-giang là Nguyễn-Quán xin hòa, nói rằng :

— Xin hãy tạm hòa, theo ý muốn của họ, để hoãn quân đã.

Hội-nghị không quyết-đoán bề nào, Tả tướng quốc Hồ Nguyên-Trừng tuyên ngôn rằng :

— Tôi không sợ đánh. Chỉ sợ dân không theo thôi !

Lời nói ấy rất hợp với Quý-Ly. Quý-Ly lấy cái hộp vàng cho Nguyên-Trừng.

Ở bên Tàu, Trần Thiêm-Bình vẫn hết sức vận-động, tâu với vua Minh rằng :

— Đông-đảo họ Trần chỉ còn một mình tôi. Tôi với giặc Hồ, thà không đội giời chung. Cúi xin rộng mở sáu quan, ra oai Giới đánh...

Vua Minh chuẩn y. Tháng tư năm Bính-tuất (1406) vua Minh sai Đốc-tướng là Hữu Hàn-Quan, Hoàng-Trung em năm nghìn quân đưa Trần Thiêm-Bình về nước. Hàn-Quan đến địa đầu giáp giới đóng quân lại không đi nữa. Một mình Hoàng-Trung tiến đánh cửa Sầm-Khanh. Quân Hồ thua, Đại-tướng Phạm Nguyên-Khôi, Chu Bình-Trung đều tử trận. Lúc ấy gặp Thành dực quận Tướng là Hồ-Văn (tức Trần-Văn, Quý-Ly

cho họ là Hồ) từ Vũ-Ninh đến quân đến, đánh quân Minh thua, Hoàng-Trung liệu thế không địch nổi, nửa đêm trốn về. Nhưng hai tướng Hồ-Sa, Trần-Bình đã ngăn mất lối Chi-Lăng từ trước, quân Minh không tiến về được. Hoàng-Trung bèn sai Quan-Y (Thầy thuốc trong quân đội) Cao Cảnh-Chiếu đưa thư giải tống Trần Thiêm-Bình sang quân Nam, trong thư nói rõ: Thiêm-Bình nói là chính con vua An-Nam và nếu được về nước, đi đến đâu cũng có người hưởng ứng đấy. Thế mà từ khi vào nước, không một người nào theo, rõ ràng là hư ngụy. Nay xin đem Thiêm-Bình giao nộp, xin phóng quân cho ra cửa ải ».

Hồ-Sa bằng lòng cho quân Minh ra cõi và đem Thiêm-Bình về dâng công. Hán-Thương truyền chém Thiêm-Bình. Thưởng mọi người công. trước đều tấn ba tư. Riêng Hồ-Sa, vì không bắt tù Hoàng-Trung đem về, chỉ thưởng hai tư. Các quan văn võ dâng biểu mừng đều giả không nhận.

Hán-Thương đã giết được Thiêm-Bình rồi, liền cử quan An phủ sứ Tam-Giang là Trần Cung-Tức làm Chánh-sứ, Ái-Châu Thông-phán Mai Tá-Phu làm Phó-sứ, Thiêm-Phán Tường-Tư làm tòng sự, sang Nhà Minh biện bạch về việc Thiêm-Bình giả mạo và xin thông cống

như cũ. Nhà Minh giữ đoàn Sứ-bộ lấy lại, không cho về.

Biết quân Minh thua một lần, tất nhiên lại sang, Hán-Thương liền hạ lệnh những người có phẩm-tước phải chiêu mộ những kẻ trốn tránh lập thành thứ quân *dũng hãn*, đặt chức Thiên-hộ, Bách hộ để sai quản, lại bắt giồng cừ ở bờ phía nam sông Nhị-hà liền suốt hơn trăm dặm. Mọi cửa bể lòng sông đều bố chông-chà. Lại sai dân các lộ Bắc-giang, Tam đới phải dựng nhà cửa ở những chỗ bỏ hoang trên nam-ngạn sông Cái, để dự làm chỗ tháo lui.

Quả như Hán-Thương dự-phòng, tháng chín năm ấy, vua Minh cho đại đội binh mã sang đánh nước ta. Trước kia nghe lũ hoạn-giả Nguyễn-Toàn nói nước ta giầu thịnh, vua Minh đã có ý muốn lấy nước ta. Kịp đến khi Hán Thương lấn ngôi, người Minh lại trách hỏi luôn để tìm cớ gây binh. Đến lúc Hán-Thương giết Thiêm-Bình, vua Minh bèn quyết chí tiến đánh, cử Thành Quốc-Công Chu-Năng làm đại tướng, Tân thành-hầu Trương-Phụ, Tây-Bình hầu Mộc-Thạnh làm Tả-hữu Phó-tướng, Phong-thành hầu Lý-Bân, Vân-dương bá Trần-Húc làm Tả hữu Tham tướng, chia quân làm hai đạo, hẹn ngày đều tiến.

Khi quân Minh đến Long-châu, thì Đại-tướng Chu-Năng chết, Phó-tướng Trương-Phụ lên thay

Trương-Phụ cho quân đi từ Bằng-Tường Quảng-Tây tiến sang đánh lấy cửa Ba-lũy, tức cửa Nam quan bây giờ rồi xiên sang phía Tây-Bắc. Xuôi thẳng về mé sông Cái. Còn đạo quân của Tả Phó-tướng Mộc-Thạnh từ Vân-nam theo đường Mông-Tự sang đánh cửa Phú-lệnh, (nay có lẽ thuộc Hà-Giang) rồi tiến thẳng xuống sông Thao. Cả hai đạo quân họp lại ở Bạch-hạc, đóng đồn ở bờ sông phía bắc.

Được tin báo, Hồ Hán-Thương liền cử Tả-tướng quốc Hồ Nguyên-Trừng, đại-tướng Hồ Đỗ đem cả quân thủy bộ lên chống quân Minh, giữ thành Đa-Bang để cản quân địch. Chỗ thành Đa-Bang này đồn ải liên tiếp ở phía nam sông Thao và sông Cái, lại có cử cắm ngăn ở giữa sông, thuyền bè không đi lại được, quân Hồ giữ đấy có ý đợi quân Minh mỏi mệt rồi mới đánh. Quân Minh bị nghẽn không tiến được.

Lúc mới vào nước ta, tướng Minh đã cho yết bảng truyền hịch khắp mọi nơi, kể tội họ Hồ và phao-ngôn nói quân Tầu sang lập dòng dõi nhà Trần và cứu dân gian khỏi khổ-sở. Khi ấy Trương Phụ lại viết hịch vào những mảnh ván bỏ xuống sông cho trôi xuôi. Quân sĩ Việt-Nam bắt được, nhiều người nản lòng, không có chí đánh nữa. Mấy người vùng Nam-sách, Chí-linh (tỉ Hải-dương) là Mạc-Địch, Mạc-Thủy, Mạc-Viễn (cháu Trạng Mạc Đĩnh-Chi) và Nguyễn-

Huân, đều hết hành với họ Hồ, bỏ theo quân Minh cả. Trương-Phụ trọng đãi những người ấy và thường quan tước.

Nhờ đó, quân Minh biết rõ nội tình quân Hồ. Mộc-Thạnh liền bàn với Trương-Phụ rằng:

— Mọi nơi, quân An-nam đều đóng đều bờ sông, ngăn quân không sang được. Chỉ còn thành Đa-bang là có bãi cát rộng và phẳng có thể đóng quân được. Tuy thành cao lấy sâu, nhưng ta có đủ chiến cụ, nếu đánh tất là lấy được.

Trương-Phụ nghe theo, bèn hạ lệnh rằng:

— Quân kia trông cậy ở thành này, mà ta lập công cũng ở trận đánh này. Ai lên được trước, tức khắc thưởng to ngay.

Rồi ngay đêm hôm ấy đốt lửa, thổi tù và làm hiệu, Trương-Phụ đem Đốc-tướng Hoàng-Trung đánh mặt Tây-bắc, Mộc-Thạnh đem đốc-tướng Trần-Duệ đánh mặt Đông-nam, hai bên cùng đánh, lấy thang *vân thê* (leo mây) áp vào thành mà lên. Quân Hồ địch không nổi, phải lui vào giữ thành, sáng hôm sau, đào thành cho voi ra đánh. Quân Minh vẽ sư tử trùm lên ngựa cho xông vào và dùng súng thần cơ bắn vào hãng tiến, voi sợ quay trở vào, quân Minh theo sau chạy ồ vào thành. Thành vỡ, Mọi quân dồn ở rào sông đều tan cả, quân Hồ phải chạy lui về

giữ Hoàng-giang. (tức là khúc sông Hồng-hà thuộc Nam-sang Hà-nam ngày nay). Quân Minh thừa thế đánh tràn xuống sông Cái, đốt sạch các đồn ải, rồi tiến thẳng về lấy Đông-đô (Hà-nội). Bọn Trương-Phụ tích trữ lương thực, đặt quan làm việc, chiêu tập lưu dân, làm kế ở lâu dài.

Quân Minh thắng trận này vào tháng mười hai. Qua tháng ba năm sau, Đinh-hợi (1407), tả phó-tướng nhà Minh là Mộc-Thạnh biết Hồ Nguyên-Trừng đóng quân ở Hoàng-giang, bèn đem thủy lục cùng tiến đến sông Mộc-phàm (ở làng Mọc-phàm huyện Phú-xuyên tiếp với Hoàng-giang) hạ trại ở hai bên sông. Nguyên-Trừng đem 300 chiếc thuyền ra đánh, bị quân Mộc-Thạnh hai bên bờ đánh ụp lại. Nguyên-Trừng thua chạy về cửa Muộn-hải (thuộc huyện Giao-thủy tỉnh Nam-định). Bấy giờ đại tướng nhà Hồ là Hồ-Đỗ, Hồ-Sạ bị thua ở bến Bình-than (ở Trâu-xa huyện Chí-linh, Hải-dương) cũng bỏ chạy về Nhuận-hải, hợp lực lại đào hào đắp lũy, toan bề giữ lâu. Sực quân Minh kéo đến, lại bỏ chạy ra giữ cửa bể Đại-an (thuộc phủ Nghĩa-hưng bây giờ). Lúc ấy lại có hịch trung Trần Quang-Chỉ, Trung-thư lệnh Trần Nguyên-Tiển, cùng với người sở tại Kiến-hưng (nay là Nghĩa-hưng) là Nguyễn Nhật-Kiên, tụ đảng giết quan Trấn-phủ, rồi theo hàng quân Minh.

Hai bên quân Minh quân Hồ đối lũy đánh nhau suốt ngày đêm. Nhưng rồi vì mưa nắng tiếp luôn, quân Minh bị bệnh thấp khí ở Muộn-hải, chết nhiều phải lui về đóng ở bến Hàm-tử (thuộc Hưng-yên). Hồ Nguyên-Trừng liền đi rước Quý-Ly và Hán-Thương ở Tây-đô ra, lại tiến quân lên đóng ở Hoàng-giang để chống giữ với quân Minh.

Quân Minh yên nghỉ không đánh để đợi quân Hồ phản công. Quả nhiên, Nguyên-Trừng, Hồ-Đỗ, Đỗ-Mãn lại chia quân thủy bộ từ Hoàng-giang tiến lên đánh bến Hàm-tử. Hồ-Sạ, Trần-Đĩnh đem đạo quân bờ bên Nam; Đỗ Nhân-Giám, Trần Khắc-Trang đem đạo quân bờ bên Bắc. Đỗ-Mãn, Hồ-Văn đem thủy quân. Tất cả gồm 7 vạn quân, nói phao lên 21 vạn, đều tiến thẳng đến Hàm-tử; chiến thuyền liền nhau dài suốt hơn mười dặm, ngang đặc kín sông. Quân Minh đặt phục binh, rồi đử cho vào sâu, mới đem hai mặt thủy bộ đánh sông lại. Quân bộ bên Hồ không địch nổi, bỏ chạy cả, lại bị quân phục đánh bật lên, phần thì phải hàng giặc, phần thì nhảy xuống sông chết đuối hết. Còn thủy quân chạy thoát, nhưng bao nhiêu thuyền lương chìm đắm mất cả. Lúc ấy quân Hồ-Sạ còn ở sau, biết có phục binh, không chịu tiến lên. Hồ-Văn sai người lại trách, Hồ-Sạ lại tiến lên đều bị thua cả. Quân Minh thắng trận, bắt

được An-phủ sứ Bắc-giang là Nguyễn Hy-Chu. Hy-Chu chửi Trương-Phụ là giặc dữ, bị Phụ giết chết.

Hồ Quý-Ly và Hồ Hán-Thương đem liêu thuộc chạy ra bể rồi lui về Thanh-hóa. Tháng tư, quân Minh đuổi kịp đến Lội-giang, (tức phân lưu sông Mã), quân Hồ không đánh mà tan. Tướng Hồ là Nguy-Thức thấy thế nguy cấp lắm xin với cha con họ Hồ rằng:

— Nước đã mất rồi! Làm ông vua không nên chết vì tay người. Xin Bệ-hạ tự đốt đi là hơn!

Quý-Ly giận lắm, bắt Nguy-Thức chém đi, rồi chạy vào Nghệ-an.

Ta nên nhớ rằng Nguy-Thức là một văn thần nhiều mưu mẹo, được Hán-Thương trọng dụng lắm, vẫn vì với Nguy-Trưng đời Đường, nên cũng họ là Nguy. Chứ Nguy-Thức vốn họ Hàng, là Thái học sinh đời Trần, người Chí-linh, tộ Nam-sách.

Trương-Phụ biết Quý-Ly chạy vào Nghệ-an, bèn cùng với tả phó-tướng Mộc-Thạnh tiến quân đi đường cạn, lại sai Liễu-Thăng đem quân thủy tiến theo đường bể đuổi theo. Tháng năm (1407) Quý-Ly và Hán-Thương đến cửa bể Kỳ-la (nay thuộc huyện Kỳ-anh Nghệ-an), có phụ lão ta yết kiến tâu rằng:

— Xứ này tên là *Cơ-lê* 基 黎, trên lại có núi *Thiên-cầm* 天 擒. Đấy là cái điềm chẳng lành,

xin nhà vua chớ lưu lại đây! (chữ Cơ-lộ là chó họ Lê, Thiên-Cầm là giới bắt).

Quý-Ly giận, chém tất cả các phụ lão. Ít lâu quân Minh hai mặt cùng đuổi đến nơi. Liễu-Thăng bắt được Quý-Ly ở núi Thiên-cầm. Ngày hôm sau bắt được Hán-Thương với con là Nhuế ở núi Cao-vọng (cũng thuộc huyện Kỳ-anh). Hữu tướng-quốc là Quý-Ly, em ruột Quý-Ly, cùng với con là Phán-Trung Đỗ Vô-Cữu, Tả tướng-quốc Nguyên-Trừng, tướng-quân Hồ-Đỗ, Phạm Lực-Tài, Nguyễn Ngạn-Quang, Đoàn-Kích đều lần lượt bị bắt. Còn dư đảng là Trần Nhật-Chiêu, Nguyễn Phi-Khanh, Nguyễn-Cẩn, Đỗ-Mãn, đều đã bỏ đi hàng Minh từ trước. Chỉ có Hành-Khiển Hữu tham-tri chính-sự Ngô-Miễn và Kiểm-Biểu giữ chức Trực-trường, không chịu nhục đâm đầu xuống nước chết. Vợ Ngô-Miễn là Nguyễn-thị cũng chết theo.

Xét ra hai cha con Hồ Quý-Ly chạy vào Nghệ-an là có ý muốn dựa vào lực lượng ở Hoá-châu và lộ Thăng-hoa để mưu khôi phục. Nguyên năm trước, Hán-Thương đã cử Hoàng Hối-Khanh vào làm Tuyên úy-sứ lộ Thăng-hoa, và Đại tri-châu Đặng-Tất, Phạm Thế-Căng làm thủ-tác. Tất vốn cậy công ghen-ghét với Nguyễn-Lỗ giữ chức Châu-phán ở đấy. Họ Hồ thua chạy, liền đưa sắc thư vào phong Chế-ma-nô đà-na lúc ấy hiện đương cai-trị hai châu Tư,

Nghĩa làm *Thăng-hoa quận-vương* để chiêu dụ dân Chiêm, mong làm cứu viện. Chế-ma-nô đã-na là con chúa Chiêm Chế Bồng-Nga, bị tướng La-Khải đuổi cùng với em quy thuận nhà Trần, Nghệ-Tông phong làm Hiệu-chính hầu; năm Nhâm-ngọ (1402) lại được Hồ Hán-Thương gia phong làm Cổ-lũy Thượng-hầu, giữ hai châu Tư Nghĩa. Hán-Thương lại sai Hoàng Hối-Khanh phải đem di-dân và thổ-sản ở đấy giao cho Châu-phán Nguyễn-Lỗ đi cứu viện. Hối-Khanh đều dấu đi không nói ra. Lại gặp lúc quân Chiêm kéo đến tranh cướp lại đất cũ, di-dân sợ chạy tan cả. Hối-Khanh bỏ trốn về Hóa-châu. Đặng-Tất, Nguyễn-Lỗ cũng dẫn quân thủy bộ về theo. Chỉ còn có một mình Chế-ma-nô đã-na chống với quân Chiêm, thế cô sức yếu bị quân Chiêm giết chết. Nguyễn-Lỗ với Đặng-Tất đánh nhau hơn một tháng. Lỗ thua chạy theo Chiêm-thành. Quân Chiêm lấy lại Thăng-hoa rồi, lại vào cướp Hóa-châu. Người Minh đến, lại sai Đặng-Tất làm Đại-tri-châu Hóa-châu để ngăn chống quân Chiêm. Chiêm-thành bất lợi dẫn quân về. Đặng-Tất sai người giải Hối-Khanh về Bắc. Đi đến cửa bể Đan-thai (nay là cửa Hội-thống), Hối-Khanh tự vẫn chết. Trương-Phụ lấy dân đem về bán ở chợ Đông-đô.

Thang sản, người Minh chia nước Việt-Nam ta ra làm quận huyện, đặt ba ty: ty *Đô-chỉ huy-*

sứ, ty *Hữu-tuyên bố-chánh-sứ*, và ty *Đề-hình án-sát-sứ*, cử Đô-đốc Lê-Nghị giữ ty Đô-chỉ huy-sứ, Thượng-thư Hoàng-Phúc kiêm quản cả hai ty Bố-chánh Án-sát. Tha thuế cho dân ba năm.

Cũng trong khoảng tháng ấy, Trương-Phụ khiến Hoành-hải tướng-quân Lỗ-Lân, Đô-đốc thiêm sự Liễu-Thăng giải tù Quý-Ly với con là Hán-Thương, Nguyên-Trừng, Triệt, Uông, cháu là Nhuế, Lỗ, Phạm, em là Quý-Tỳ, con Tỳ là Vô-Cữu, tướng-quân Hồ-Đỗ, Đoàm-Kích, Hành-Khiển Nguyễn Ngạn-Quang, Lê Cảnh-Kỳ về Kim-lăng đang nộp. Vua Thành-tổ nhà Minh ngự chính điện, nhận tù, hỏi Quý-Ly rằng:

— Giết vua cướp nước, thế là đạo bầy tôi phải không?

Quý-Ly không đáp được. Vua Minh bèn cho giam cả vào ngục, chỉ tha cho con là Trừng, cháu là Nhuế. Về sau Quý-Ly được tha ra, phải đi làm lính tuần ở Quảng-tây, Hồ Nguyên-Trừng giỏi làm binh khí, chế ra súng đem tiến, được cất lên làm quan, làm đến Công-bộ tả thị-lang và có soạn ra tập sách *Nam Ông mộng lục*, còn truyền đến ngày nay.

Ngày nay, xét lại đời hoạt động ta thấy:

Hồ Quý-Ly bước vào trường chính trị từ năm Tân-hợi (1371), đến năm Đinh-mão (1387) giữ chức Đồng-bình Chương-sự được năm toàn

quyền cải trị và hành động, rồi đến năm Canh-thìn (1400) Quý-Ly bỏ Thiếu-đế tự xưng làm vua, cuối năm lại nhường ngôi cho con Hán-Thương và lên làm Thái thượng-hoàng. Năm Đinh-hợi (1407) cha con Quý-Ly bị bắt giải về Tàu.

Tính ra Hồ Quý-Ly đã dự vào chính trị mười sáu năm, giữ chính quyền mười ba năm, và làm vua được 7 năm.

Trừ sự thắng lợi dễ dãi lúc ban đầu, như ta đã thấy trên kia, còn thì phải phí mất bao nhiêu tâm cơ trí não để tạo ra những quyền biến táo bạo và độc đoán, Hồ Quý-Ly mới tranh được chiếc ngai vàng để rồi nó lại sụp đổ theo ngay với bao sự nghiệp tan tành trong một thời gian ngắn ngủi.

Hồ Quý-Ly đã trèo cao và ngã đau. Nhà chính trị ấy đã tìm thấy con đường thẳng, rồi lại đi làm phải con đường hại: Nghĩa là Quý-Ly đã tự gây lấy thất bại và kéo cả dân tộc Việt-Nam vào vòng nô lệ.

XII

Nguyên-nhân thất-bại

Từ một chức quan hầu trong cung bước lên hống-hách trên đàn chính-trị, chiếm ngôi vua, làm chúa một nước, rồi lại bị nước ngoài đánh thua, bị bắt, phải đầy làm lính thú, cái đời sống của chính-khách họ Hồ kể cũng đã nổi chìm rất mực, và bao công-trình gây dựng đành phó cho dòng nước chẩy xuôi. Nhưng cái sự tan-tành ấy đâu có phải là ngẫu-nhiên. Cũng như sự thắng-lợi trước kia, nó phải có nhiều nguyên-nhân gây nên.

Nguyên-nhân thứ nhất và hiển-nhiên hơn cả — mà ai ai cũng nhận thấy và nhiều người còn lấy làm căm tức, — *là tự những người Việt-Nam cố-chấp đi rước người Minh vào cõi*. Vua quan nhà Minh, nghe lời lũ hoạn giả Nguyễn-Toàn đã có ý muốn lấy nước ta từ lâu, nhân tiện được Trần-Khang tức Trần Thiêm-Bình khẩn thiết kêu xin đem quân sang *điếu phạt*, vua Tần mới quyết chí tiến quân. Đồng thời lại có Bùi Bá-Kỳ, người làng Phù-nội, huyện Thanh-

miện thuộc Hồng-châu (nay về Hải-dương) là tỳ-tướng của Vũ-Tiết hầu Trần Khát-Chân cũng chốn sang Tầu lần lên đến Kim-lăng, tự xưng *bầy tôi trung nghĩa triều Nam* dâng bức thư cầu cứu lên vua Thành-Tổ, lời lẽ rất thống-thiết đại lược như sau :

Cha ông tôi đều làm quan đại-phu giữ chính, chết vì việc nước, mẹ tôi cũng có họ gần với nhà Trần, cho nên thuở nhỏ, tôi được vào hầu quốc-vương, quan đến ngũ-phẩm. Sau theo làm tỳ-tướng cho Vũ-Tiết hầu Trần Khát-Chân. Cuối năm Hồng-Vũ, Khát-Chân đi giẹp giặc ở Đông-hải, mà cha con tặc thần Hồ Quý-Ly giết chúa tiếm ngôi, tàn hại trung-lương. kẻ bị giết cả họ kể có trăm nghìn người. Anh em vợ con tôi cũng bị giết hại. Họ lại sai người bắt tôi, định giết đi ướp muối, tôi phải bỏ quân chạy xa, ẩn nấp hang núi, chỉ mong đến được cửa Khuyết rãi bầy gan ruột. Dằn dà đến vài năm nay, mới được thấy bóng mặt giới. Tôi trộm nghĩ rằng : Quý-Ly là con viên Cố Kinh lược Sứ Lê Quốc-Mạo, đời đời thờ nhà Trần, được nhờ sủng vinh, lại đến con là Thương cũng đội ơn dùng vào chức trọng. Nay nhất đán đắc chí, trở nên kẻ thoán-đoạt, thay họ đổi tên, lấn ngôi đặt hiệu, không kính mạnh Triều, khiến Trung thần lương sĩ phải nhức ốc đau lòng, chỉ mong giấy quân điếu phạt, tôn nghĩa nối dòng, trừ tiệt bọn gian ác, lập lại con cháu nhà Trần

Tôi có chết cũng không nát! Tôi xin bắt chước lòng trung của Thân Bao-Tư kền gào dưới cửa Khuyết, mong đức Hoàng-đế đủ lòng xét cho.

臣祖父嘗執政大夫，死于國事。臣母陳氏近族，故幼侍國王，官五品。後隸武節侯陳渴眞，爲裨將。洪武末年，渴眞禦寇東河，而戕臣黎季釐父子弑主篡位，屠戮忠良，滅族者以百千數。臣兄弟妻孥亦遭其害，遣人捕臣，欲加誅酷。臣棄軍遠逃，處山谷，思詣闕庭披瀝肝腑，展轉數年，始覩天日。臣竊惟季釐乃故輕路使黎國耄之子，世事陳氏，竊叨寵榮，及其蒼亦蒙貴任，一旦得志，遂成篡奪，更姓易名，僭號改元，不恭朝命。忠臣良士，疾首痛心，願興弔伐之師，隆繼絕之義，蕩除奸兇，復立陳氏後。臣死且不朽，願效申包胥之忠，哀鳴闕下，惟皇帝垂察。

« Thần tổ-phụ giai chấp-chính đại phu, tử vu « quốc sự. Thần mẫu Trần thị cận tộc. Cố ấu « thị quốc vương, quan ngũ phẩm, hậu lệ Vũ- « Tiết hầu Trần Khát-Chân vi tì-tướng. Hồng- « Vũ mạt niên, Khát-Chân ngự khấu Đông-hải, « nhị tặc thần Lê Quý-Ly phụ tử thí chủ thoán « vị, đồ lục trung lương, giệt tộc giả dĩ bách « thiên sổ. Thần huynh đệ thê nơa diệc tao kỳ « hại, khiển nhân bộ thần, giục da chụ ải, Thần « khí quân viễn đào, phục Sử sơn cốc, tư nghệ

« khuyết đình, phi lịch can phủ, chiển chuyển « sổ niên; thủy đồ thiên nhật. Thần thiết duy « Quý-Ly nãi Cố Kinh-lược Sứ Lê Quốc-Mao chi « tử, Thế sự Trần thị. Thiết thao Sủng-Vinh. « Cập kỳ tử Thương, diệc mông quý-nhậm. Nhất « dân đắc chí, toại thành thoán đoạt, cánh tính « dịch danh ; tiếm hiệu cải nguyên, bất cung « Triều mạnh. Trung-thần lương-sĩ, tật thủ « thống tâm, nguyện hưng điếu phạt chi sư, long « kế-tuyệt chi nghĩa, đăng trừ gian hung, phục « lập Trần thị chi hậu. Thần tử thả bất hề ! « Nguyện hiệu Thân Bao-Tư chi trung, ai-minh « khuyết hạ, duy Hoàng-đế thùy sát...) »

Bức thư khẩn-thiết ấy lại kèm hai bài thơ :

« Cô-thần trung hiếu hiệu Tư vi !
« Bạt thiệp sơn xuyên thượng đế kỳ,
« Toái thủ vương trì bàng huyết-lệ,
« Ngưỡng kỳ thánh chúa hướng vô ti.

孤 臣 忠 孝 效 胥 爲,
跋 涉 山 川 上 帝 羈.
碎 首 王 墀 滂 血 淚
仰 祈 聖 主 向 憐 卑.

Bắt chước Bao-Tư học hiếu-trung
Sá gì lăn-lội vượt non sông,
Vỡ đầu máu lệ reo thềm ngọc,
Mong đợi Cao-minh xét nỗi lòng.

« Trần sự lăng di vị khả kỳ.
« Hàm oan bão hận hữu thiên tri.
« Nam phương thần tử hoài trung nghĩa,
« Thệ quốc quyên khu phạt Quý-Ly !

陳事陵夷未可期
含冤抱恨有天知
南方臣子懷忠義
誓國捐軀伐季狸

Nhà Trần tan nát biết bao thôi,
Giận nuốt hờn căm thấu đất giời.
Thần-tử nước Nam còn huyết tính
Hiến mình vì nước rửa tanh hôi !

Ta có thể gọi bức thư và hai bài thơ trên này là thứ văn chương ngoại giao, làm cảm động nổi vua Thành-Tổ nhà Minh, được vua sức Hữu-Ty cấp cho tác giả cơm ăn áo mặc... để đợi dịp tiến quân. Nhưng đến khi đem đối diện với Trần Thiêm-Bình, người Minh hỏi có biết nhau không Bá-Kỳ đáp :

— Không biết !

Người Minh định đưa Thiêm-Bình về, hỏi cần đem theo bao nhiêu quân. Thiêm-Bình nói. Cần độ vài và nghìn thôi. Đến nước tất người nước theo phục ngay ! Trái lại, Bá-Kỳ nói :

— Không được, số quân cần phải nhiều hơn.

Vua Minh giận, cho là Bá-Kỳ hèn nhát, không

hiểu sự thế, liền bắt đi an-chí ở Cam-túc. Đến khi quân đưa Thiêm-Bình về bị thua, người Minh lại triệu Bá-Kỳ về, trao chức Tham-Nghị, cho theo quân sang đánh họ Hồ, để lập con cháu nhà Trần.

Thế là Trần Thiêm-Bình và Bùi Bá-Kỳ, hay nói đúng hơn, bức thư của Bá-Kỳ đã đem duyên cớ chính-đáng cho đại-quân Trương-Phụ tiến vào nước ta.

Nhưng đấy mới là duyên-cớ. Quân Trương-Phụ sở dĩ thắng quân Hồ một cách nhanh chóng, từ lúc khởi quân đến lúc bắt được cha con Hồ Quý-Ly bất mất có chín tháng (từ tháng chín năm Bính-tuất đến tháng năm năm Đinh-hợi 1406-1407), là do điều kiện khách quan rất thuận-tiện cho quân Minh. Nghĩa là *toàn-thể dân Nam không ủng hộ cha con họ Hồ nữa*. Ngoài nhân-dân và cả trong quân đội nữa, trừ những kẻ chạy theo quân Minh không kể, còn thì đều lừng-khừng đứng trung-lập rất tai-hại cho họ Hồ mà trái lại giúp lợi cho Trương-Phụ nhiều lắm. Xuốt trong chín tháng giời chiến-tranh, ta chỉ thấy những người có ít danh-vọng kéo được nhiều tín theo lần lượt ra đầu hàng quân Minh: Trước tiên là bọn Mạc-Định, Mạc-Thúy, Nguyễn-Huân, kế đến Trần Nguyên-Chỉ, Trần Sư-Hiến, Nguyễn Nhật-Kiên, Nguyễn-Đại, sau cùng đến

lũ Trần Nhật-Chiêu, Nguyễn Phi Khanh Nguyễn Cẩn, Đỗ-Mẫn Lương Nhữ-Hốt Đỗ Duy-Trung Đặng-Tất, những người sau này phần nhiều là những người được cha con Quý-Ly rất trọng đãi, giao cho những công việc rất tin cẩn. Ta nên nhớ chính Nguyễn-Cẩn là người được Quý-Ly tin dùng nhất, giao cho việc đi hành-thí Trần Thuận-Tông ; và Nguyễn Phi-Khanh trước tên là Ông-Long, bị vua Trần bạc đãi, bỏ không dùng, được Hán-Thương đặc cử làm Hàn lâm học-sĩ và đổi tên mới là Phi-Khanh. Lại còn Đặng-Tất, Hoàng Hối-Khanh nữa. Ấy thế mà những người ấy không hề cứu giúp Hồ Quý-Ly trong lúc nguy cùng, lại đi theo quân địch trước, đủ tỏ lòng người ngoài vòng lúc ấy đối với Hồ Quý-Ly hờ hững là nhường nào. Một minh chứng chắc-chắn hơn nữa, dù là thất thế đi nữa, vua ngự đến một bạt, phụ-lão bạt ấy không xúm lại quỳ lụy che chở để cầu sống vinh thì chớ, lại còn nhân những tên địa-phương đọc trệch đi và tán rộng-nghĩa (1) ra để ngăn cản ngự đạo thật là một mỉa-mai độc-nhất trên lịch

(1) *Kỳ-la* 奇羅 đọc trệch là *Cơ-lê* 箕黎 để giảng nghĩa là *trời họ Lê*. Núi Thiên cầm 天擒 lại dân-giải đổi là Thiên-cấm 天禁 giới bắt. Chỗ núi ấy, truyền, ngày xưa Hùng Vương đi chơi qua đấy nghe Thấy tiếng sáo giời (do gió bứt mà thành) bèn đặt tên là núi Thiên cấm. (Đem giời)

sử, và càng rõ dân-gian đã chán ghét họ Hồ nhiều lắm. Có lẽ Hồ Quý-Ly cũng hiểu rõ nhân tình như thế, nên mới chém phu lão cho bõ ghét.

Như vậy, nguyên-nhân chính của sự thất-bại Hồ Quý-Ly là *không được dân-gian tán thành và ủng-hộ*, tức là *thiếu điều kiện xã-hội thuận-tiện tâm căn-bản*.

Nhưng tại sao Quý-Ly đương nắm được hoàn-cảnh xã-hội thích hợp để thành-công, mà *tự-nhiên* nó lại quay trở lại thành trái-khác? Hay nói một cách thông-thường hơn, nhân dân đang hoan-hô cổ-võ giúp sức Quý-Ly trong công cuộc cải tạo xã-hội, tại sao lại thờ-ơ lãnh-đạm, bỏ mặc Quý-Ly với công việc chống giặc ngoài vào nước? Phải chăng, đây là một sự lạ-lùng, một sự phản bội vô-lý của quần-chúng? Không! Chính là tại Quý-Ly đã phản-bội quần-chúng, đem tư-lợi đặt lên trên công-nghĩa, giết vua Trần, cướp ngôi báu làm thất vọng cả những người trước sau gắn một lòng sốt sắng với công việc cải cách, hết lòng kỳ vọng ở Quý-Ly. Những người ấy giúp việc Quý-Ly rất đắc lực, có khi phải thân dùng tay vào những việc rất tàn bạo, cốt mong cho chính-sách canh-tân chóng có hiệu quả. Những người đi tiên-phong vì trung thành với phong trào như thế một khi trông rõ dã tâm của Quý-Ly, đã quay sang địa-vị phản đối, tất nhiên kéo được rất nhiều quần-

chúng đi theo. Hơn nữa, Quý-Ly đã tỏ ra hội-hạc và tàn nhẫn một cách đê-hèn, khi giết vua Trần Thuận-Tông vô-tội, nhất là ông vua vô-tội ấy lại là con rể mình, nên càng thêm mua chuốc lấy lòng căm ghét ở đại-chúng. Vì thuở ấy, dân ta còn đang nồng hồi trong khuôn Phật giáo và Nho-giáo, rất dễ bất bình với những hành-động vô-lương-tâm ấy. Và không cứ gì ở thời ấy, ở thời buổi nào cũng vậy, những thủ-đoạn tàn-nhẫn không vì mục đích công-cộng, không có cứu cánh quang-minh bao giờ cũng mang lại cho tác-giả những kết-quả tai-hại ngang nhau hay hơn nữa. Cho nên, nguyên-nhân sâu-xa và mạnh-mẽ nhất trong sự thất-bại là nguyên-nhân nội-tại tự tay Hồ Quý-Ly tạo lấy : ấy là *đã mưu tư-lợi, phản-bội lòng mong mỏi của đại chúng !*

Với nguyên-nhân cội rễ ấy đẻ ra những nguyên-nhân cần thiết trên kia, Hồ Quý-Ly phải hoàn-toàn nhận lấy thất-bại đích-đáng.

XIII

Ảnh-hưởng trong dân chúng

Muốn biết chân-giá một nền tổ-chức chính-trị, cần phải xét đến kết-quả thực-hiện và ảnh-hưởng của nó trong dân gian. Với một sự thi-hành rào-riết, khôn-khéo và liên-tiếp, chỉ trong một thời-gian ngắn, hăm mấy chăng hạn, một chính sách đổi mới đã có thể bén rễ trong dân-chúng và gây nên kết-quả tốt đẹp. Và từ đấy cái ảnh-hưởng của nó sẽ mỗi ngày một lan rộng. Vậy, ở đây, trong suốt hơn hai mươi năm giời, vun giồng vào tất cả mọi phạm vi xã-hội, chính sách cải tổ của Quý-Ly đáng lý phải nảy ra nhiều kết quả và có ảnh hưởng lớn với toàn thể quốc dân. Nhưng như trên ta đã thấy, việc thi hành không được liên tiếp, Quý-Ly còn mải để thì giờ lo đến nhiều việc khác. Lúc ban đầu, sự cải cách mới đi thăm dò địa thế, Quý-Ly còn

phải tổ chức dần dà, để đủ thì giờ quyền biến và lực lượng đối với sức phản động của đối phương dĩ nhiên phải có, do sự xung đột quyền lợi sinh ra. Kịp khi có toàn quyền hành động và địa điểm rất tốt để thi hành chính sách, thì họ Hồ lại bận băn khoăn về việc cướp ngôi. Cuối cùng, đến lúc để thì giờ thi hành gấp rút mọi sự đổi mới, thì hoàn cảnh lại trái khác đi, người ngoài đem sức mạnh trấn vào, đào lộn cả nền tổ chức lên, san phẳng lại. Thành thử, từ cái mầm non mới nẩy, cho chí hạt giống mới rào, tất cả đều bị phá sạch sành sanh. Cái khuông chính-trị lại vẫn trở về nguyên như cũ. Vả lại, sự tổ chức của Quý-Ly cũng như đắp một con đường, trên con đường cũ gần hủy liệt, ngoằn ngoèo, lồi lõm, Quý-Ly vẫn theo nếp ấy, san chỗ lồi, lấp chỗ lõm, phụ thêm đất vào những nơi khoảm để cho con đường thành bằng phẳng và bơi thẳng. Chứ không đắp hẳn con đường mới thẳng và to mặc dầu có đủ vật liệu và nhân công. Đến khi gió bão, nước dâng lên cuốn tất cả cái đất mới sửa sang phụ vào ấy, vì chưa liền thổ, cái lối đường cũ lại còn trơ lại, có chỗ bị hại hơn trước, nhưng cũng có chỗ giữ được ít đất mới đắp vào. Như vậy, chính sách cải tạo của Quý-Ly không thể có hiệu quả đầy đủ vì những lẽ trên, tất nhiên

không có được ảnh hưởng trực tiếp và lớn lao gì trong quần chúng.

Tuy nhiên đã hơi bén rễ xuống nền tảng xã-hội sau cơn giông tố, nó cũng để lại được một tí chút dấu vết còn thừa, gây nên một ảnh hưởng không đến nỗi quá kém cỏi, cũng được như chỗ đất mới còn dính chặt vào con đường kia. Ấy là sự tập trung sinh lực xã-hội quy về một lối, để duy nhất tinh thần quốc-gia trước kia bị rời rạc vì quyền lợi trái ngược nhau của các giai cấp trong xã-hội. Thật vậy, lên cầm quyền giữa lúc xã-hội bầy ra mọi cảnh đổ nát ở khắp mọi phương diện, Quý-Ly đã cương quyết thay mọi cảnh đổ nát ấy bằng một quang cảnh duy nhất trong ấy mọi ngành sinh hoạt đều nhịp nhàng theo một hòa điệu chung. Cái hòa điệu ấy còn mãi đến sau này, sau khi con người tạo nên nó đã bị thất bại. Cái hòa điệu ấy tức là ảnh hưởng của chính-trị họ Hồ vậy. Chỉ có thế thôi! Cái hòa điệu ấy cũng góp công vào việc duy nhất tinh thần quốc gia để đi tới sự đắc thắng của dân tộc Việt-Nam ta hai mươi năm sau này.

Còn như bảo cái ảnh hưởng chính-trị họ Hồ đã gây nên một tinh thần quật khởi cho dân tộc, mở lối cho nền độc-lập tự cường, thì có điều khí quá. Bởi vì cái tinh thần ấy của dân

tộc đã vốn có sẵn từ xưa, một phen bị bạc nhược, rời rạc, tản nát, lại được duy nhất dưới chính-trị họ Hồ, phải trải qua mấy phen rèn luyện, thử thách dưới chính sách cai trị phiền hà và khích nộ của người Minh, mới có thể phát hiện ra cứng cỏi chói lòa trong dịp bình Ngô như vậy.

XIV

Kết-luận

Như những chương trên chúng tôi đã thuật rõ, chính-trị Hồ Quý-Ly, vì thời gian ngắn ngủi, vì sự thi-hành không liên tiếp, và vì người chủ-trương không chân-thành với Sứ-mạng, đã không để được ảnh-hưởng gì khả.quan cho dân chúng và lịch-sử, thì cái giá-trị của nó cũng không đáng cho ta đặc-biệt để ý đến.

Nhưng phần nhiều những phần-tử trí-thức và tiến hóa ngày nay, sẵn tấm lòng bồng bột đối với quốc gia xã.hội, mong.mỏi sự đổi mới sinh hoạt cho toàn dân. — đều đem lòng hâm mộ nhà chính-trị họ Hồ và than tiếc cái nền tổ_ chức độc-tài ấy không được hoàn-toàn thực hiện dưới Giời Nam. Những lời than-tiếc ấy có hàm ý oán trách ông cha ta thuở ấy. Chúng tôi xin cử một vài đại-biểu ý thức :

Ông Lê Thúc-Thông, trong *Nam sử liệt truyện khảo-cứu* đăng ở Nam-phong số 100, đã viết :

« Xem Quý-Ly đương buổi Tây-lịch 1411, khi ấy các nước Âu-châu chưa đến trình độ bán khai mà nước ta đã có Quý-Ly bày đặt các việc, trước đã khêu đèn văn minh, phỏng Bá-Kỳ chẳng đưa quân Minh về trở ngành để cho Quý-Ly hết sức kinh-lý giang sơn, trùng-tân nhật nguyệt, nước ta hẳn kéo cờ văn-minh, thủ xuất trước các nước ở bên Đông-Á... »

Ông Nguyễn Đổng-Chi, trong *Việt-Nam Cổ-Văn Học-Sử* (do nhà Hàn-Thuyên, Hà-Nội) xuất bản năm 1942, cũng viết :

« Tư-tưởng và hành vi của nhà độc tài ấy có thể sánh với Vương An-Thạch (1021-1086) đời Tống bên Tầu. Vương cũng có một độ bài xích những lối học huấn hỗ và chú sớ của Tiêu-nho, cùng là chủ-trương những vấn-đề cải lương Trung-quốc. Họ Hồ đã chịu mạnh cái tinh-thần đó, nên quyết tâm mở một lối thực-học đi đôi với nền-tảng quốc-gia xã-hội trong làm cường thịnh nước nhà. Người sau này còn hơn người trên kia về chỗ chiếm lấy chiếc ngai vàng cho tiện bề hành-động.

« Nhưng đáng tiếc cho chiếc ngai vàng ấy không bao lâu đã bị sụp đổ và lôi cuốn mọi thứ đi mất. Bàn tay phá hoại ấy chính là người Minh, nhưng một số đông người Việt-Nam lấy cớ là phục hồi nhà Trần phải chịu một phần trách-nhiệm. »

Ông T. N. trong bài *đọc Sử* đăng ở Tin-Mới số 1406 ra ngày 31 octobre 1944 cũng viết :

« Đọc Nam-Sử, những cuộc cải-tạo về chính-trị, xã-hội, học-thuật, không phải là ít, nhưng khiến cho chúng ta phải ngạc nhiên và nhớ tiếc hơn cả là chính sách táo-bạo có thể coi như một cuộc cách mạnh của họ Hồ vào cuối thập-tứ và đầu thập ngũ thế-kỷ.

«...Đem đối chiếu những chính sách của Hồ Quý.Ly với lịch-sử quốc tế hồi bấy giờ, và nhất là đem đối chiếu với hoàn cảnh Á-đông lúc ấy, cuộc cải-cách kia thực là lớn lao về cả tinh thần lẫn phạm vi của nó.

« Cuộc cải-cách ấy, nếu tiếp tục trong một thời-gian khá lâu, tất phải đem dân tộc Việt-Nam, một dân-tộc lúc ấy thiếu tổ-chức, đến một mực phú-cường.

« Nhưng đem rẽo-rắc vào một đám dân-chúng chưa giác-ngộ, những chủ-trương kia không gặp được một sức hậu thuẫn đầy-đủ; cho nên trước cuộc âm-mưu của bọn Việt gian làm bọng-sung cho quân đội nhà Minh, sự nghiệp của họ Hồ đã tan-tác sau một cuộc thất-bại đau-đớn ! »

Đây là những ý-kiến tán-thưởng Hồ Quý-Ly về đủ mọi phương diện, tán thưởng đến quá đáng. Thật ra, Hồ Quý.Ly có xứng đáng với những danh-từ đẹp để trên này không? Có đáng mạnh danh là một *nhà cách mạnh, khiếu đến*

văn-minh không ? Có đúng đã *mở lối thực-học* đi đôi với *nền-tảng quốc-gia xã-hội* không ?

Với những điều đã trình bầy trong những trang trên đây, chúng tôi không ngần ngại gì đưa ra những lời phủ-nhận. Bởi vì một người cách-mạnh chân-chính đứng vào địa vị ấy, gặp được hoàn cảnh như thế, sẽ thực hiện được những kết-quả tốt-đẹp hơn nhiều. Có điều-kiện xã-hội thích hợp, được đại-đa số hoan nghênh trên có vua chuyên dùng và che chở, con người chân-chính cách mạnh tất nhiên thay đổi được hết tất cả từ trạng-thái sinh-hoạt đến tư-tưởng con người. Người ta đã có thể làm cho cuộc sinh-hoạt vật-chất được phong-phú, gây nên cuộc sinh hoạt tinh-thần được rộng-rãi tự-do và luôn-luôn mới lạ. Nói tóm lại, người ta có thể đổi hẳn được quang cảnh xã-hội và thế lồng tư-tưởng con người tới gần chân lý. Đằng này, Quý-Ly không làm được thế. Nắm được đặc quyền vô-đối, Quý-Ly chỉ sửa đổi ít nhiều chi-tiết trên nền chính-trị, thi-thố mấy việc cỏn con trong học-thuật, trừ ra trong phạm vi kinh tế có một vài ý-kiến mới lạ xuất sắc. Mà những việc xuất sắc nhất ấy lại mãi đến cuối chót mới đem thi-hành.

Như vậy, Quý-Ly chỉ là một nhà cải-cách chính-trị thôi, một nhà *cải cách thiếu lực tâm*, và *không trọn phận sự*.

Thiếu lương-tâm nhà nghề, Quý-Ly đã không thi-hành liên-tiếp chính sách cải-cách cần-thiết trong khoảng bảy tám năm đầu Quang-Thái triều Thuận-Tông là lúc Quý-Ly thừa quyền-thế, rộng thời giờ và là lúc mọi người mong mỏi nhất...

Không trọn phận sự, Quý-Ly chỉ mải mưu tư-lợi, không làm việc cải-cách nhanh chóng để phụ lòng tin cậy và kỳ vọng của Nghệ-Tông, cùng tất cả các bậc thức giả tán thành công cuộc của mình.

Chính ra, công-bình mà nói, những công-cuộc cải-cách thi hành được, không phải là công Quý-Ly mà là công Thượng-hoàng Nghệ-Tông. Nhờ có Nghệ-Tông tin dùng thì những chính sách kia mới ban hành ra được. Mà Nghệ-Tông giốc một lòng tin theo, đến lịa tan cả cốt nhục, mà không đổi chí, đủ thấy cái lòng vua vì dân cầu trị rộng xa biết nhường nào. Cái ông vua chịu tiếng là nhu-nhược ấy quả đã có một lòng thân-dân cao-cả hơn nhiều người vậy.

Công-cuộc cải-cách lại còn là công của các bậc danh-thần thức thời đạt-lý như Thái-Bảo Trần Nguyên-Hãng, Thượng-tướng Trần Khát-Chân Tướng-quân Phạm Khả-Vĩnh, Hành-Khiển Lương Nguyên-Bưu là những đã trút bỏ quyền lợi, xa rường thân-thuộc để đi theo con đường cải-cách, mong cho nước thịnh dân giàu.

Những người ấy đã nâng cao Quý-Ly lên, và che chở, và giao cho cai quyền. Ấy thế mà Quý-Ly đã phản bội những người ấy. Phản bội những người ấy tức là phản bội lý-tưởng cải-cách, phản bội đại-đa số dân chúng vậy.

Quý-Ly đã không làm việc cách mạnh, không thay đổi nổi trạng thái tinh-thần hay tri-thức hệ xã-hội. Những quy luật thiêng-liêng vẫn còn ngự-trị trong đầu óc con người, mà đột-nhiên họ Hồ lại đi làm việc thí-nghịch, thì bắt người ta để yên cho sao được. Cố nhiên nghĩa vụ mọi người hiểu biết lúc ấy là phải ra tay lật đổ bằng mọi cách có thể dùng được. Cho nên cái tâm-thành của những phần-tử chạy sang Tầu cầu-cứu cũng không đáng trách. Sự nhầm lẫn của họ, họ sẽ sửa chữa lại ngay hay là con họ sẽ sửa-chữa lại một cách oanh-liệt. Lê Cảnh-Tuân dâng Vạn ngôn thư nhắc Bùi Bá-Kỳ, Nguyễn-Trãi theo vua Thái-Tổ nhà Lê để rửa nhầm cho Nguyễn Phi-Khanh, Đặng-Dung sắt đá để đền bù vào những lúc Đặng-Tất phải rảo dở vì việc đời. Tất cả cái thế-hệ sau đã cải lấy-lừng cho cái thế-hệ trước. Ta cần phải đi sâu vào hoàn-cảnh để khỏi buộc oan Tổ-tiên ta là Việt-gian và chưa giác ngộ, và để buộc tội đích-đáng những kẻ thủ phạm.

Kẻ thủ phạm làm hỏng công cuộc cải cách, cũng như gây nên vụ Bắc-thuộc trong hai mươi

năm vẫn chỉ có Hồ Quý-Ly là chính danh mà thôi !

Hồ Quý-Ly là một tay kỳ-tài nhưng phải cái giàu bảo phụ và thiếu chân-tâm. Cái tài của nhà chính-khách ta đã thấy phát lộ ra lần lượt ở những trang trên kia. Có kỳ tài như thế, lại giàu bảo phụ, nên hay phê-phán, hay công kích, óc xét đoán rất mau lẹ và trí sáng kiến rất tinh-vi. Nhưng vì không có chân tâm, nên những ý tưởng mới lạ chỉ thấy ở nhời nói, ít khi mang vào trong công-cuộc cải-cách. Ngay như về việc học-thuật, ta thấy Quý-Ly có phê-phán rành mạch, lại thích dùng chữ nôm, thế mà trong các kỳ thi-cử là phương-pháp độc-nhất để kén trọn nhân-tài lúc bấy giờ, ta không thấy thêm được mầu sắc thực học nào hơn trước. Vẫn cách thức ấy, vẫn văn bài ấy, vẫn một thứ chữ ấy, nào có hơn gì trước kia. Và cái thứ văn nôm mà họ Hồ thích dùng lại vẫn đành chịu « lép vế ». Phải chăng cái thích ấy chỉ là một cách chơi ngông ?

Mà một người đã tự dâng mình cho chính-trị thì không có quyền chơi ngông, không có quyền dùng cái kiểu ngông ấy một mình, nếu cái kiểu ngông ấy ích-lợi. Cái gì đã có ích, nhà chính-trị cần phải truyền bá, không được ích-kỷ chỉ dùng để thỏa-mãn riêng một mình mình.

Hồ Quý-Ly đã không tự giữ được như thế. Từ trước đến sau, Quý-Ly chỉ noi theo một con đường lợi : Đầu tiên, Quý-Ly thi hành mấy việc cải-cách để gây thế-lực. Khi thế-lực đã vững chắc rồi, liền đưa ra những dự-định mới lạ (như tập sách Minh-đạo) để lung-lạc mọi người quyền-quý. Rốt cuộc những dự-định ấy chỉ giúp thêm oai-lực cho Quý-Ly, để bề mưu thoán đoạt, chớ rồi cũng chẳng được thi-hành. Sau cùng đến khi sắp cướp ngôi và đã cướp ngôi, thì lại ban hành ra rất nhiều sự cải cách liên-tiếp và cấp bách mong củng cố ngôi cao (đến chín phần mười những việc cải cách đều ở vào khoảng này). Nhưng những việc ấy chưa thành hình thì ngai vàng của Quý-Ly đã đổ và sự nghiệp đã tan tành. Và cái công trình chính-trị của Quý-Ly cũng không còn gì cả.

Như vậy càng chứng tỏ chính Quý-Ly là người *chưa giác ngộ*, chưa giác-ngộ về quyền-lợi ma-xăm và sứ mạnh lịch-sử của mình. Hay nói theo lối nhà nho, Quý-Ly *không có lòng chí-thành* với nhiệm-vụ, với nhân-quần, xã-hội, với quốc-gia và vạn vật. Quý-Ly chỉ giỏi biết nhiều, giỏi suy-luận, giỏi biện thuyết mà thôi. Không có được lòng chí-thành, nên không gần được chân lý, không hợp với lẽ phải, không đồng nhất thể với xã hội và vạn hữu, Quý-Ly mới chính là *đạo nho* (nhà nho ăn trộm) vậy.

Với những tính-cách như thế, Quý-Ly đã gây nên thất-bại đau-đớn cho mình và thảm-họa sâm-lăng cho nước, cho nên, dù chúng ta có hết sức Khoan-dung, không có quan-niệm hẹp-hòi vì Triều-đại, chúng ta cũng phải kết tội nhà chính-trị hoạt-đầu ấy.

Và cho dưới chính-thể nào công-bằng và rộng-rãi đến đâu đi nữa, cái tội ấy cũng vẫn không thể tha-thứ được. Nó sẽ mãi mãi nêu một cái gương to cho những ai ai làm chính-trị vì tư-lợi. Nó cung thêm một minh-chứng hiển nhiên cho cái định-luật bất-dịch này : *Hễ chính-trị nào đi phản lại quyền-lợi công-cộng của quần-chúng thì chóng chầy thế nào cũng bị tiêu vong, kể cả những chính-trị có quy-mô rộng-rãi và hình thức tốt đẹp cũng vậy.*

Mồng tám, tháng chạp, Giáp-Thân

HẾT

NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI-LA

Số 46, phố Trần Thánh Tôn (Harmand) Hà-nội

THẾ LỮ

Ba hồi kinh di. 7$50
Người vô hình I 4.80
Người vô hình II. 7.80
Bóng ma trong gương (đương in)
Dương Quý Phi (sẽ in)
Lê-Ta làm báo —

VI HUYỀN ĐẮC

Lê-Chi viên. . . . 6$50
Giê-su. Đấng cứu thế. 5.00
Kim tiền (đương in)
Tình Kha (sẽ in)
Bạch-hạc đình —
Ông Ký Cóp —

ĐÀO TRINH NHẤT

Vương An Thạch. 11$80
Phan Đình Phùng 20.00

PHAN TRẦN CHÚC

Ba Đình. 8$80
Vua Hàm-nghi. 12.50
Bùi Viện với chính-phủ Mỹ 9$50
Dưới triều Tự-Đức (sẽ in)

VŨ NGỌC PHAN

Những trận đánh Pháp (đương in)
Giáo dục (sẽ in)
Nguồn sống ở muôn loài —
Tạp bút —
Chiếc nhẫn —
Cây đàn Kỳ-mông —
Đôi giày không mòn —

NGUYỄN BÌNH KHIÊM

Sấm ký 2$80

CHU THIÊN

Tuyết-giang phu-tử . 7$80
Chính trị Hồ Quý-Ly 9.50

HOÀNG TÍCH TRÝ

Bệnh sốt rét cơn (đương in)

THẠCH LƯU

Đất Đỏ (đương in)

NGUYỄN TUẤN

Một người đốt rừng trúc (sẽ in)

LINH TÂM

Tuyên-phi họ Đặng (đương in)
Thái-tử Duy-Vỹ (sẽ in)
Người thứ ba —
Những tối tráng lệ —

Mọi việc tiền bạc, bảo-đảm xin đề tên :

Ông VŨ CÔNG HỘ